

I. LÝ THUYẾT

- Cách sử dụng và bảo quản các loại phân hóa học thường dùng.
- Vai trò của giống và phương pháp chọn tạo giống cây trồng.
- Sản xuất và bảo quản giống cây trồng.
- Sâu, bệnh hại cây trồng.
- Phòng trừ sâu bệnh hại.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1: Bón đạm cho lúa trong điều kiện thời tiết như thế nào là hợp lí:

- | | |
|------------|---------------------------------------|
| A. Mưa lũ | B. Thời tiết râm mát, có mưa phùn nhỏ |
| C. Mưa rào | D. Nắng nóng |

Câu 2: Đạm Urê bảo quản bằng cách:

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------------|
| A. Phơi ngoài nắng thường xuyên | B. Để nơi khô ráo |
| C. Đậy kín, để đâu cũng được | D. Đậy kín, để nơi khô ráo thoáng mát |

Câu 3: Nhóm phân nào sau đây dùng để bón lót:

- A. Phân hữu cơ, phân xanh, phân đạm
- B. Phân xanh, phân kali, phân NPK
- C. Phân rác, phân xanh, phân chuồng
- D. Phân DAP, phân lân, phân xanh, phân vi sinh

Câu 4: Dựa vào thời kì bón, người ta chia thành mấy cách bón phân?

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 2 | B. 3 | C. 4 | D. 5 |
|------|------|------|------|

Câu 5: Đối với phân hóa học, cần có những biện pháp bảo quản như thế nào?

- A. Đựng trong chum, vại, túi nilon kín



- B. Để nơi khô ráo, thoáng mát
- C. Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau
- D. Đựng trong chum, vại, túi nilon kín; Để nơi khô ráo, thoáng mát; Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau

Câu 6: Phân hữu cơ có đặc điểm gì?

- A. Thành phần có nhiều chất dinh dưỡng
- B. Các chất dinh dưỡng ở dạng khó tiêu, cây không sử dụng được ngay
- C. Cần thời gian để phân hủy thành các chất hòa tan
- D. Thành phần có nhiều chất dinh dưỡng; Các chất dinh dưỡng ở dạng khó tiêu, cây không sử dụng được ngay; Cần thời gian để phân hủy thành các chất hòa tan

Câu 7: Bón phân cho cây ngô thường sử dụng hình thức bón nào?

- A. Bón theo hốc
- B. Bón theo hàng
- C. Bón vãi
- D. Phun lên lá

Câu 8: Để ủ phân chuồng người ta thường trát bùn hoặc đập kỹ là nhằm:

- A. Giúp phân nhanh hoại mục
- B. Hạn chế mất đạm
- C. Giữ vệ sinh môi trường
- D. Giúp phân nhanh hoại mục; Hạn chế mất đạm; Giữ vệ sinh môi trường

Câu 9: Bón thúc là cách bón:

- A. Bón 1 lần
- B. Bón nhiều lần
- C. Bón trước khi gieo trồng
- D. Bón trong quá trình sinh trưởng của cây

Câu 10: Tiêu chuẩn nào sau đây được đánh giá là một giống tốt?

- A. Sinh trưởng mạnh, chất lượng tốt
- B. Năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt

C. Sinh trưởng tốt, năng suất cao và ổn định, chất lượng tốt, chống chịu được sâu bệnh

D. Có năng suất cao và ổn định

Câu 11: Có mấy phương pháp chọn tạo giống cây trồng?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 12: Trong trồng trọt thì giống cây trồng có ảnh hưởng như thế nào đến năng suất cây trồng?

A. Làm tăng chất lượng nông sản

B. Làm thay đổi cơ cấu cây trồng

C. Quyết định đến năng suất cây trồng

D. Làm tăng vụ gieo trồng

Câu 13: Sử dụng các tác nhân vật lý hoặc chất hóa học để xử lý các bộ phận của cây gây ra đột biến, chọn những dòng có lợi để làm giống là phương pháp chọn tạo giống cây trồng gì?

A. Phương pháp chọn lọc

B. Phương pháp gây đột biến

C. Phương pháp lai

D. Phương pháp nuôi cấy mô

Câu 14: Lấy phần hoa của cây bố thụ phấn cho nhụy của cây mẹ, lấy hạt của cây mẹ gieo trồng, chọn các cây có đặc tính tốt làm giống là phương pháp chọn tạo giống cây trồng gì?

A. Phương pháp chọn lọc

B. Phương pháp lai

C. Phương pháp gây đột biến

D. Phương pháp nuôi cấy mô

Câu 15: Sản xuất giống cây trồng nhằm mục đích:

A. Tạo ra nhiều hạt giống phục vụ gieo trồng

B. Tăng năng suất cây trồng

C. Tạo ra nhiều hạt giống, cây con giống phục vụ gieo trồng

D. Tăng vụ gieo trồng

Câu 16: Sản xuất giống cây trồng có mấy cách?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 17: Sản xuất giống cây trồng bằng hạt cần trải qua mấy năm?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 18: Phương pháp nào dưới đây không phải là phương pháp sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính:

- A. Lai tạo giống B. Giâm cành C. Ghép mắt D. Chiết cành

Câu 19: Sản xuất giống cây trồng bằng hạt thường áp dụng những loại cây nào sau đây:

- A. Cây xoài B. Cây bưởi C. Cây ngô D. Cây mía

Câu 20: Điều kiện cần thiết để bảo quản tốt hạt giống:

- A. Nơi cất giữ phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm thấp, kín
- B. Hạt giống phải đạt chuẩn: khô, mẩy, không lẫn tạp chất, tỉ lệ hạt lép thấp, không bị sâu, bệnh...
- C. Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm, sâu, mọt để có biện pháp xử lý kịp thời
- D. Nơi cất giữ phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm thấp, kín; Hạt giống phải đạt chuẩn: khô, mẩy, không lẫn tạp chất, tỉ lệ hạt lép thấp, không bị sâu, bệnh...; Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm, sâu, mọt để có biện pháp xử lý kịp thời

Câu 21: Vòng đời của côn trùng có kiểu biến thái hoàn toàn phải trải qua mấy giai đoạn?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 22: Côn trùng gây hại có kiểu biến thái hoàn toàn, ở giai đoạn nào chúng phá hại mạnh nhất?

- A. Sâu non B. Sâu trưởng thành
- C. Nhộng D. Trứng

Câu 23: Bộ phận cây trồng bị thối không do nguyên nhân nào?

- A. Nhiệt độ cao B. Vi rút C. Nấm D. Vi khuẩn

Câu 24: Côn trùng có mấy kiểu biến thái?

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 25: Khi bị sâu, bệnh, cây trồng có biểu hiện thế nào?

- A. Sinh trưởng và phát triển giảm
- B. Tốc độ sinh trưởng tăng
- C. Chất lượng nông sản không thay đổi
- D. Tăng năng suất cây trồng

Câu 26: Trong các hình thái của biến thái không hoàn toàn không có hình thái nào dưới đây?

- A. Sâu non B. Nhộng C. Sâu trưởng thành D. Trứng

Câu 27: Cơ thể côn trùng chia làm mấy phần?

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 28: Côn trùng gây hại có kiểu biến thái không hoàn toàn, ở giai đoạn nào chúng phá hại mạnh nhất?

- A. Sâu non B. Sâu trưởng thành C. Nhộng D. Trứng

Câu 29: Dấu hiệu nào không phải là dấu hiệu khi cây trồng bị sâu, bệnh phá hoại:

- A. Cành bị gãy. B. Cây, củ bị thối.
- C. Quả bị chảy nhựa. D. Quả to hơn.

Câu 30: Biện pháp nào được coi là biện pháp cơ sở để phòng và trừ sâu, bệnh hại?

- A. Biện pháp canh tác B. Biện pháp thủ công
- C. Biện pháp hóa học D. Biện pháp sinh học

Câu 31: Biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất là:

- A. Biện pháp canh tác B. Biện pháp thủ công
- C. Biện pháp hóa học D. Biện pháp sinh học

Câu 32: Chọn câu sai khi nói về biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại:

- A. Phơi đất ải là biện pháp phòng trừ sâu bệnh

B. Tháo nước cho ngập cây trồng là biện pháp phòng trừ sâu bệnh

C. Dùng thuốc hóa học phun liên tục là biện pháp tốt nhất phòng trừ sâu bệnh có hại cây trồng

D. Phát triển những động vật ăn thịt hay ký sinh trên trứng hay sâu non của sâu hại là biện pháp phòng trừ sâu hại cây trồng có hiệu quả.

Câu 33: Trong các biện pháp sau đây, biện pháp nào phòng trừ có hiệu quả cao và không gây ô nhiễm môi trường?

A. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh

B. Biện pháp thủ công

C. Biện pháp hóa học

D. Biện pháp sinh học

Câu 34: Có bao nhiêu biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại?

A. 5

B. 4

C. 6

D. 3

Câu 35: Nội dung của biện pháp canh tác là?

A. Sử dụng thuốc hóa học để diệt sâu, bệnh

B. Dùng vợt, bẫy đèn, bả độc để diệt sâu hại

C. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng, luân canh cây trồng

D. Dùng sinh vật để diệt sâu hại

Câu 36: Nhược điểm của biện pháp hóa học là:

A. Khó thực hiện, tốn tiền...

B. Gây độc cho người, ô nhiễm môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái

C. Hiệu quả chậm, tốn nhiều công sức tiền của

D. Ít tác dụng khi sâu, bệnh đã phát triển thành dịch

Câu 37: Ưu điểm của biện pháp sinh học là:

- A. Rẻ tiền, chi phí đầu tư ít
- B. Hiệu quả cao, không gây ô nhiễm môi trường
- C. Hiệu quả cao, gây ô nhiễm môi trường
- D. Rẻ tiền, chi phí đầu tư ít; Hiệu quả cao

Câu 38: Muốn phòng, trừ sâu, bệnh đạt hiệu quả cao phải:

- A. Sử dụng biện pháp hóa học
- B. Sử dụng biện pháp sinh học
- C. Sử dụng biện pháp canh tác
- D. Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ.

Câu 39: Dùng tay bắt sâu hay ngắt bỏ cành, lá bị bệnh thuộc loại biện pháp gì?

- A. Biện pháp hóa học
- B. Biện pháp sinh học
- C. Biện pháp canh tác
- D. Biện pháp thủ công

Câu 40: Bệnh cây là trạng thái không bình thường của cây do?

- A. Vi sinh vật gây hại.
- B. Điều kiện sống bất lợi.
- C. Vi sinh vật gây hại; Điều kiện sống bất lợi
- D. Vi sinh vật có lợi



Ban giám hiệu

Lê Thị Ngọc Anh

Tổ chuyên môn

Nguyễn Thế Mạnh

Nhóm công nghệ 7

Nguyễn Thị Thùy Trang

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 19, 21, 23, 25, 26, 27, 29, 30, 31.

2. Nội dung chính:

* *Phần 1: Môi trường hoang mạc.*

- Đặc điểm của môi trường.
- Sự thích nghi của thực, động vật với môi trường.

* *Phần 2: Môi trường đới lạnh.*

- Đặc điểm của môi trường.
- Sự thích nghi của thực, động vật với môi trường.

* *Phần 3: Châu Phi.*

- Thiên nhiên châu Phi.
- Dân cư, xã hội châu Phi.
- Kinh tế châu Phi.

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Câu 1: Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là

- A. đồi núi thấp.
- B. đồng bằng thấp.
- C. cao nguyên.
- D. núi cao.

Câu 2: Đặc điểm không đúng với môi trường hoang mạc là

- A. có sự phân hóa thành 4 mùa rõ rệt.
- B. hết sức khô hạn và khắc nghiệt.
- C. chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn.
- D. lượng mưa trong năm rất thấp.

Câu 3: Đặc điểm không đúng với mùa hạ ở đới lạnh là

- A. nhiệt độ ít khi vượt quá 10°C .
- B. mặt trời di chuyển ngày đêm ở đường chân trời.
- C. chỉ kéo dài 2 – 3 tháng.
- D. gió tây ôn đới hoạt động mạnh.

Câu 4: Đặc điểm không phải của đường bờ biển châu Phi là

- A. ít bán đảo và đảo.
- B. ít vịnh biển.
- C. ít bị chia cắt.
- D. có nhiều bán đảo lớn.

Câu 5: Châu Phi có khí hậu nóng quanh năm vì

- A. nằm giữa 2 vòng cực bắc và nam.
- B. nằm giữa chí tuyến bắc và chí tuyến nam.
- C. địa hình là một khối cao nguyên khổng lồ.
- D. địa hình là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp.

Câu 6: Hoang mạc Xa-ha-ra phân bố ở

- A. Nam Phi.
- B. Bắc Phi.
- C. Đông Phi.
- D. Tây Phi.

Câu 7: Các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua xích đạo là do

- A. biển và đại dương bao bọc xung quanh.
- B. vị trí nằm cân xứng hai bên đường xích đạo.
- C. cấu trúc địa hình tương đối đơn giản.
- D. có dòng biển nóng và lạnh chạy bao quanh châu lục.



Câu 8: Môi trường đới lạnh nằm trong khoảng từ

- A. hai vòng cực đến hai cực.
- B. chí tuyến bắc đến chí tuyến nam.
- C. hai vòng cực đến chí tuyến.
- D. hai vòng cực đến xích đạo.

Câu 9: Châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất

- A. Man-sơ.
- B. Xuy-ê.
- C. Xô-ma-li.
- D. Pa-na-ma.

Câu 10: Các hoang mạc trên thế giới phân bố ở

- A. dọc hai đường chí tuyến, giữa lục địa Á – Âu.
- B. ven các biển và đại dương lớn.
- C. dọc theo đường xích đạo.
- D. nơi có dòng biển nóng, lạnh chạy qua.

Câu 11: Dân số của Châu Phi năm 2020 là 1.355.000.412 người, diện tích là 30.000.000 km². Mật độ dân số của châu Phi năm 2020 là

- A. 43 người/km².
- B. 45 người/km².
- C. 42 người/km².
- D. 44 người/km².

Câu 12: Cơ chế không giúp các loài động, thực vật thích nghi với môi trường khô hạn, khắc nghiệt ở hoang mạc là

- A. kéo dài thời kì sinh trưởng.
- B. hạn chế sự thoát hơi nước.
- C. tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng.
- D. rút ngắn thời kì sinh trưởng.

Câu 13: Thảm thực vật đặc trưng của miền đới lạnh là

- A. rừng rậm nhiệt đới.
- B. rêu, địa y.
- C. rừng lá kim.
- D. xa van, cây bụi.

Câu 14: Đặc điểm không đúng với mùa đông ở đới lạnh là

- A. thường có bão tuyết dữ dội.
- B. nhiệt độ trung bình luôn dưới -10°C.
- C. rất dài và hiếm khi thấy mặt trời.
- D. kéo dài từ 2-3 tháng.

Câu 15: Sông ngòi ở đới lạnh thường có lũ lớn vào cuối xuân đầu hạ vì

- A. thời kì mùa hạ, mặt trời sưởi ấm làm băng tan.
- B. đây là thời kì mùa mưa lớn nhất trong năm.
- C. có dòng biển nóng chảy qua làm tăng nhiệt độ khiến băng tan.
- D. có dòng biển lạnh chảy qua làm giảm nhiệt độ khiến băng tan.

Câu 16: Ở đới lạnh, khu vực có Mặt Trời di chuyển là suốt ngày đêm ở đường chân trời trong suốt 6 tháng liên là

- A. vòng cực bắc (nam).
- B. từ vòng cực đến vĩ tuyến 80°.
- C. cực bắc (nam).
- D. từ vĩ tuyến 80° đến hai cực.

Câu 17: So với các châu lục trên thế giới, châu Phi là châu lục có diện tích đứng thứ

- A. 4.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 18: Mưa ở đới lạnh chủ yếu dưới dạng

- A. mưa phùn.
- B. mưa đá.
- C. mưa rào.
- D. tuyết rơi.

Câu 19: Nguyên nhân của sự thay đổi khí hậu đổi theo độ cao ở vùng núi là do

- A. càng lên cao càng gần tia sáng Mặt Trời nên nhận được lượng nhiệt càng lớn.
- B. càng lên cao độ ẩm không khí càng giảm nên lượng mưa càng giảm.
- C. càng lên cao gió thổi càng mạnh nên khí hậu mát mẻ hơn.
- D. càng lên cao không khí càng loãng, nhiệt độ càng giảm.

Câu 20: Trên Trái Đất, phần diện tích đất nổi của hoang mạc chiếm

- A. 3/4.
- B. 1/2.
- C. 1/3.
- D. 2/3.

Câu 21: Nguyên nhân dẫn đến có câu nói “Có mà đợi đến Tết Công-gô” là do

- A. Cộng hòa Dân chủ Công-gô phải chờ đến 50 năm mới có được cái Tết, do đói nghèo và kém phát triển.
- B. Cộng hòa Dân chủ Công-gô phải chờ đến 100 năm mới có được cái Tết, do đói nghèo và kém phát triển.
- C. Cộng hòa Dân chủ Công-gô phải chờ đến 30 năm mới có được cái Tết, do đói nghèo và kém phát triển.
- D. Cộng hòa Dân chủ Công-gô phải chờ đến 20 năm mới có được cái Tết, do đói nghèo và kém phát triển.

Câu 22: Dân cư châu Phi tập trung đông đúc ở

- A. vùng rừng rậm xích đạo.
- B. hoang mạc Xa-ha-ra.
- C. vùng duyên hải cực bắc và cực nam.
- D. hoang mạc Ca-la-ha-ri.

Câu 23: Thành phố trên 5 triệu dân ở châu Phi là

- A. Cai-rô và La-gôt.
- B. Cai-rô và Ha-ra-rê.
- C. La-gôt và Ma-pu-tô.
- D. Cai-rô và Ac-cra.

Câu 24: Nguyên nhân khiến hàng chục triệu người ở châu Phi thường xuyên bị nạn đói đe dọa là

- A. sự thống trị của các nước chủ nghĩa thực dân.
- B. bùng nổ dân số và hạn hán.
- C. đại dịch AIDS, dịch bệnh đe dọa.
- D. xung đột sắc tộc.

Câu 25: Các nước có ngành công nghiệp tương đối phát triển ở châu Phi là

- A. An-giê-ri, Ai Cập.
- B. Cộng hòa Nam Phi, An-giê-ri.
- C. Cộng hòa Nam Phi, Ai Cập.
- D. Ai Cập, Ni-giê.

Câu 26: Giá trị sản xuất công nghiệp của châu Phi so với thế giới chiếm

- A. 2%.
- B. 3%.
- C. 4%.
- D. 5%.

Câu 27: Ở châu Phi, các mỏ dầu mỏ và khí đốt phân bố chủ yếu ở phía

- A. nam và phía bắc của châu Phi.
- B. tây châu Phi.
- C. bắc của châu Phi.
- D. tây và phía đông châu Phi.

Câu 28: Các nước châu Phi xuất khẩu chủ yếu

- A. khoáng sản và nguyên liệu chưa chế biến.
- B. khoáng sản và máy móc.
- C. máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.
- D. nguyên liệu chưa qua chế biến và hàng tiêu dùng.

Câu 29: Các nước châu Phi nhập khẩu chủ yếu

- A. khoáng sản và nguyên liệu chưa chế biến.
- B. khoáng sản và máy móc.
- C. máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng.
- D. nguyên liệu chưa qua chế biến và hàng tiêu dùng.

Câu 30: Một số nước châu Phi có ngành du lịch khá phát triển, tiêu biểu là

- A. Ma-rốc, Tuy-ni-di.
- B. Nam Phi, Ê-ti-ô-pi-a.
- C. Công-gô, Tan-da-ni-a.
- D. Ê-ni-a, Ai Cập.

Câu 31: Tốc độ đô thị hóa ở châu Phi khá nhanh nhưng không tương xứng với

- A. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. trình độ phát triển công nghiệp.
- C. trình độ phát triển nông nghiệp.
- D. trình độ phát triển dịch vụ.

Câu 32: Vùng chuyên canh nông sản xuất khẩu của châu Phi phân bố

- A. Nam Phi, Đông Phi và Trung Phi.
- B. Nam Phi và rìa phía Bắc của Bắc Phi.
- C. Trung Phi và cực Nam của Nam Phi.
- D. Tây Phi, Đông Phi và Nam Phi.

Câu 33: Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ dân số đô thị là do

- A. gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào thành phố.
- B. di dân ồ ạt vào các thành phố lớn.
- C. kinh tế ở các đô thị phát triển mạnh.
- D. sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị.

Câu 34: Ở châu Phi, biên độ nhiệt ngày đêm lớn, thực vật và động vật nghèo nàn là đặc điểm của môi trường

- A. nhiệt đới.
- B. địa trung hải.
- C. hoang mạc.
- D. xích đạo.

Câu 35: Môi trường địa trung hải ở châu Phi có đặc điểm

- A. mùa đông mát mẻ và có mưa, mùa hạ nóng và khô.
- B. khí hậu khắc nghiệt, mưa rất hiếm, biên độ nhiệt ngày và đêm lớn.
- C. càng xa xích đạo nhiệt độ và lượng mưa càng lớn.
- D. thảm thực vật rừng rậm xanh tốt quanh năm.

Câu 36: Môi trường xích đạo ẩm của châu Phi phân bố chủ yếu ở

- A. phía Bắc và phía Nam của châu Phi.
- B. phần cực Bắc và cực Nam của châu Phi.
- C. bồn địa Công-gô và miền duyên hải phía Bắc vịnh Ghi-nê.
- D. sơn nguyên Đông Phi, Bồn địa Ninh Thượng và Bồn địa Sát.

Câu 37: Thu nhập ngoại tệ của các nước châu Phi từ việc xuất khẩu nông sản, khoáng sản chiếm

- A. 75%.
- B. 80%.
- C. 85%.
- D. 90%.

Câu 38: Dòng sông dài nhất châu Phi là sông

- A. Công-gô.
- B. Dăm-be-di.
- C. Nin.
- D. Ni-giê.

Câu 39: Ở châu Phi, kim cương tập trung chủ yếu ở

- A. Bắc Phi.
- B. Trung Phi.
- C. Nam Phi.
- D. Đông Phi.

Câu 40: Dân cư Châu Phi chủ yếu thuộc chủng tộc

- A. Môn-gô-lô-it.
- B. Nê-grô-it.
- C. Ô-rô-pê-ô-it.
- D. Ô-Xtrô-lô-it.

Câu 41: Dân cư vùng hoang mạc phân bố chủ yếu ở

- A. dọc các con sông.
- B. gần các hồ nước ngọt.
- C. các ốc đảo.
- D. vùng ven biển.

Câu 42: Đặc điểm giúp hạn chế sự thoát hơi nước ở một số loại cây vùng hoang mạc là

- A. thân mọng nước.
- B. lá biến thành gai.
- C. bộ rễ rất to và dài.
- D. tán rộng và nhiều lá.

Câu 43: Nguyên nhân chủ yếu hình thành nên các hoang mạc ở vùng trung tâm châu Á và Ô-xtrây-li-a là

- A. dòng biển lạnh chạy ven bờ.
- B. vị trí nằm cách xa biển.
- C. gió tín phong khô nóng thổi quanh năm.
- D. bề mặt địa hình là các cao nguyên rộng lớn.

Câu 44: Nguyên nhân làm cho diện tích băng ở hai cực đang ngày càng bị thu hẹp là do

- A. Trái Đất đang nóng lên.
- B. ảnh hưởng của khối khí chí tuyến.
- C. ảnh hưởng của dòng biển lạnh.
- D. ảnh hưởng của dòng biển nóng.

Câu 45: Ở nước ta, vùng được dự báo trong tương lai sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của hiện tượng băng tan ở hai cực là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. đồng bằng sông Hồng.
- C. đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 46: Ở vùng núi, từ độ cao 3000 m ở đới ôn hòa, khoảng 5500 m ở đới nóng thường có hiện tượng

- A. thực vật phát triển mạnh mẽ.
- B. khí hậu khô hạn.
- C. xuất hiện nhiều bão, lốc xoáy.
- D. xuất hiện băng tuyết vĩnh cửu.

Câu 47: Phân bố chủ yếu ở vùng núi cao trên 3000m là các dân tộc ít người thuộc

- A. Bắc Á.
- B. Trung Âu.
- C. Nam Mỹ.
- D. Nam Phi.

Câu 48: Khí hậu và thực vật ở vùng núi thay đổi theo

- A. mùa và vĩ độ.
- B. độ cao và hướng sườn.
- C. đông – tây và bắc - nam.
- D. vĩ độ và độ cao.

Câu 49: Sự khác biệt về thiên nhiên của sườn đón gió ẩm so sườn khuất gió hoặc đón gió lạnh là

- A. mưa ít, thực vật kém phát triển hơn.
- B. mưa nhiều, thực vật phát triển xanh tốt hơn.
- C. khí hậu nắng nóng, khô hạn hơn.
- D. khí hậu lạnh, khô, ít mưa.

Câu 50: Châu lục có nhiều quốc gia nhất là

- A. Phi.
- B. Á.
- C. Âu.
- D. Mỹ.

Câu 51: Để phân loại các quốc gia trên thế giới và đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của từng nước, từng khu vực thì không dựa vào tiêu chí

- A. Thu nhập bình quân đầu người.
- B. Tỷ lệ tử vong của trẻ em.
- C. Chỉ số phát triển con người (HDI).
- D. Cơ cấu quân sự của từng nước.

Câu 52: Thu nhập bình quân theo đầu người trên 20.000 USD/người, chủ yếu ở khu vực châu

- A. Á, Phi và Âu.
- B. Đại Dương, Mỹ và Âu.
- C. Bắc Mỹ, Âu và Đại Dương.
- D. Âu, Á và Bắc Mỹ.

Câu 53: Tỷ lệ tử vong của trẻ em thường rất thấp và chỉ số phát triển con người từ 0,7 đến gần bằng 1 chủ yếu ở các nước có thu nhập bình quân đầu người

- A. Từ 1.000 đến 5.000 USD/năm.
- B. Từ 5.001 đến 10.000 USD/năm.
- C. Từ 10.001 đến 20.000 USD/năm.
- D. Trên 20.000 USD/năm.

Câu 54: Châu lục không có quốc gia nào là châu

- A. Phi.
- B. Á.
- C. Âu.
- D. Nam Cực.

Câu 55: Miền duyên hải phía Bắc vịnh Ghi-nê và khu vực bồn địa Công-gô có lượng mưa rất lớn vì

- A. nằm trong vòng nội chí tuyến, có đường xích đạo chạy qua.
- B. chịu ảnh hưởng của dòng biển nóng Ghi-nê.
- C. chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh Ca-na-ri và Ben-ge-la.
- D. nằm ở phía tây châu Phi, có nhiều dạng địa hình.

Câu 56: Mưa rất ít (dưới 200mm) ở khu vực hoang mạc Xa-ha-ra và Na-Míp là do ảnh hưởng của

- A. dòng biển lạnh.
- B. dòng biển nóng.
- C. khí hậu.
- D. vị trí địa lí.

Câu 57: Lệ phí qua kênh đào Xuy-ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của

- A. Ma-rốc.
- B. Nam Phi.
- C. Ai Cập.
- D. Công-gô.



Câu 58: Ở châu Phi, các hoạt động luyện kim màu, hóa chất phân bố chủ yếu ở phía

A. nam và bắc châu Phi.

C. trung Phi.

B. nam châu Phi.

D. tây và đông châu Phi.

Câu 59: Mặt hàng nông sản độc đáo, có khối lượng xuất khẩu đứng đầu thế giới của châu Phi là

A. cà phê.

B. ca cao.

C. cọ dầu.

D. lạc.

Câu 60: Châu Phi có diện tích là

A. 30 triệu km².

C. 40 triệu km².

B. 50 triệu km².

D. 20 triệu km².

----- Hết -----

BGH



Lê Thị Ngọc Anh

NHÓM CM

Trần Thị Linh

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Lan Anh

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2021- 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 7

A. HỆ THỐNG BÀI HỌC

Bài 1: Trung thực

Bài 7: Tôn sư trọng đạo

Bài 8: Khoan dung

Bài 9: Xây dựng gia đình văn hóa

Bài 10: Giữ gìn, phát huy truyền thống của gia đình dòng họ

Bài 11: Tự tin

B. BÀI TẬP

1. Bài tập sau mỗi bài học trong sách giáo khoa.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề.
3. Tìm và giải thích được một số câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao, danh ngôn,...liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân ...

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sống ngay thẳng, thật thà và dám nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm là biểu hiện của đức tính:

- | | |
|---------------|----------------|
| A. khiêm tốn. | B. trung thực. |
| B. giản dị. | D. tiết kiệm. |

Câu 2: Trái ngược với trung thực là:

- | | |
|--------------|---------------|
| A. chăm chỉ. | B. khiêm tốn. |
| C. giả dối. | D. tiết kiệm. |

Câu 3: Việc làm thể hiện đức tính trung thực là:

- | | |
|--|----------------------------------|
| A. nhặt được của rơi trả người đánh mất. | B. giữ gìn góc học tập gọn gàng. |
| C. chào hỏi lễ phép người lớn tuổi. | D. giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn. |

Câu 4: Sống trung thực giúp ta:

- | | |
|-------------------------------------|------------------------------|
| A. có cuộc sống giàu sang. | B. được mọi người khen ngợi. |
| C. tiết kiệm tiền của cho gia đình. | D. nâng cao phẩm giá. |

Câu 5: Câu: “Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng” thể hiện phẩm chất:

- | | |
|----------------|---------------|
| A. giản dị. | B. tiết kiệm. |
| C. trung thực. | D. khiêm tốn. |

Câu 6: Hành vi *không* trung thực là:

- A. nhờ bác đi họp phụ huynh vì sợ bố mẹ buồn với kết quả học tập của mình.
B. giấu người nhà về bệnh tật của mình để mọi người đỡ lo lắng.
C. nói thật với cô giáo là mình không hiểu bài.
D. nói với bố mẹ về thiếu sót của mình.

Câu 7: Tôn trọng và thông cảm, biết tha thứ cho người khác khi họ hối hận và sửa chữa lỗi lầm được gọi là:

- | | |
|----------------|-----------------|
| A. đoàn kết. | B. tương trợ. |
| C. khoan dung. | D. trung thành. |



Câu 8: Biểu hiện của khoan dung là:

- A. tức giận khi bạn làm hỏng đồ của mình.
- B. nhường nhịn bạn bè và các em nhỏ.
- C. giúp bạn che giấu khuyết điểm.
- D. cho bạn chép bài về nhà để bạn không bị cô phê bình.

Câu 9: Đối lập với khoan dung là:

- A. chia sẻ.
- B. hẹp hòi, ích kỉ.
- C. trung thành.
- D. tự trọng.

Câu 10: Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người:

- A. yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt.
- B. giúp đỡ, yêu mến.
- C. biết ơn, tôn trọng.
- D. coi thường, xa lánh.

Câu 11: Câu tục ngữ “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại” nói về:

- A. lòng biết ơn.
- B. lòng trung thành.
- C. tinh thần đoàn kết.
- D. lòng khoan dung.

Câu 12: Một lần bạn H để quên cuốn nhật ký ở trong ngăn bàn, bạn D rất tò mò nên đã mở ra xem. Biết D đọc trộm cuốn nhật ký của mình H đã rất giận và đã to tiếng mắng D, còn D thì liên tục xin lỗi H. Để 2 bạn D và H làm hòa với nhau theo em sẽ:

- A. mặc kệ vì không liên quan đến mình.
- B. nói với cô giáo để cô xử lí.
- C. xui bạn H không chơi với D nữa.
- D. khuyên bạn H tha lỗi cho D và nhắc D lần sau không được tái phạm vì đó thuộc quyền riêng tư của mỗi người.

Câu 13: Do sơ suất trong quá trình xây dựng, nhà ông A đã làm rơi gạch sang nhà ông B làm đổ bờ tường. Ông B thấy vậy liền chửi bới gia đình ông A và đánh ông A. Vậy ông B là người:

- A. khoan dung.
- B. khiêm tốn.
- C. hẹp hòi.
- D. cẩn thận.

Câu 14: Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, đoàn kết với xóm giềng và làm tốt nghĩa vụ công dân được gọi là:

- A. gia đình đoàn kết.
- B. gia đình hạnh phúc.
- C. gia đình vui vẻ.
- D. gia đình văn hóa.

Câu 15: Biểu hiện của gia đình văn hóa là:

- A. bố mẹ chỉ yêu thương con cái, ít quan tâm đến mọi người xung quanh.
- B. bố mẹ luôn bao che khuyết điểm của con.
- C. bố mẹ yêu thương con cái, sống hòa thuận, đoàn kết với hàng xóm láng giềng.
- D. hay xích mích với gia đình hàng xóm.

Câu 16: Câu nói “Gia đình là tế bào của xã hội” nói về:

- A. vai trò quan trọng của gia đình đối với xã hội.
- B. tính chất của gia đình.
- C. mục đích của gia đình.
- D. đặc điểm của gia đình.

Câu 17: Chọn đáp án đúng nhất: Ý nghĩa của xây dựng gia đình văn hóa là:

- A. xây dựng xã hội tươi đẹp.
- B. xây dựng xã hội lành mạnh.
- C. xây dựng xã hội phát triển.
- D. xây dựng xã hội văn minh tiến bộ.

Câu 18: Góp phần xây dựng gia đình văn hóa học sinh cần phải:

- A. chăm ngoan, học giỏi, kính trọng, giúp đỡ ông bà, bố mẹ.
- B. ăn mặc sành điệu.
- C. dành hết thời gian cho việc học.
- D. ham những thú vui thiếu lành mạnh.

Câu 19: Người có thẩm quyền công nhận gia đình văn hóa tại các xã, phường, thị trấn là:

- A. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.
- B. Trưởng công an xã, phường, thị trấn.
- C. Chủ tịch UBND huyện.
- D. Chủ tịch UBND tỉnh.

Câu 20: Gia đình ông Q buôn bán thuốc phiện, gia đình luôn sống vui vẻ và hạnh phúc và ủng hộ tiền cho địa phương để xây dựng nhà văn hóa. Gia đình ông Q là:

- A. gia đình vi phạm pháp luật vì buôn bán hàng cấm.
- B. gia đình văn hóa vì sống vui vẻ hạnh phúc.
- C. gia đình văn hóa vì có công trong việc ủng hộ xây dựng nhà văn hóa.
- D. gia đình văn hóa vì giàu có.

Câu 21: Gia đình nhà hàng xóm có chồng suốt ngày rượu say đánh vợ, con trai nghiện, trộm cắp và bị bắt đi tù; con gái đạt giải Nhất cuộc thi học sinh giỏi môn Toán; vợ sống hòa thuận, hay giúp đỡ hàng xóm láng giềng. Gia đình này là:

- A. gia đình không đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa vì con nghiện ngập, trộm cắp.
- B. gia đình văn hóa vì vợ hay giúp đỡ hàng xóm láng giềng.
- C. gia đình văn hóa vì có con gái học giỏi, đạt giải cao.
- D. gia đình văn hóa vì người vợ sống hòa thuận với láng giềng.

Câu 22: Tôn trọng, kính yêu và biết ơn đối với thầy cô giáo được gọi là:

- A. tự trọng.
- B. trung thực.
- C. tôn sư trọng đạo.
- D. khoan dung.

Câu 23: Biểu hiện của tôn sư trọng đạo là:

- A. chào hỏi, tôn trọng thầy cô.
- B. chỉ chúc mừng thầy, cô giáo chủ nhiệm mình nhân ngày 20/11.
- C. vui mừng được nghỉ tiết khi thầy cô khi thầy cô ốm đau.
- D. chỉ chào hỏi và tôn trọng các thầy cô đang dạy mình.

Câu 24: Đối lập với tôn sư trọng đạo là:

- A. trách nhiệm.
- B. vô ơn.
- C. trung thành.
- D. ý thức.

Câu 25: Trong những câu dưới đây, theo em, câu thể hiện rõ nhất về tôn trọng đạo là:

- A. Ăn trả nghĩa đền.
- B. Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.
- C. Ăn cháo đá bát
- D. Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy

Câu 26: Tục ngữ có câu “Mùng 1 tết cha, mùng 2 tết mẹ, mùng 3 tết thầy”. Mùng 3 tết thầy có nghĩa là:

- A. Mùng 3 Tết, thầy giáo hay mời học trò đến chơi .
- B. Mùng 3 Tết là ngày đẹp để học sinh đến chúc tết thầy giáo.
- C. Mùng 3 Tết cần đến chúc tết thầy vì thầy là người dạy dỗ thứ 2 sau cha mẹ.

D. Tết nhà Thầy được tổ chức vào mừng 3.

Câu 27: Đối với những hành vi vô lễ với các thầy, cô giáo chúng ta cần phải:

A. nêu gương.

B. phê bình, lên án.

C. khen ngợi.

D. học và làm theo.

Câu 28: Khi đi chợ cùng mẹ, em nhận ra cô giáo X đã về hưu đang mua rau. Trong tình huống này em sẽ:

A. đi nhẹ nhàng qua chỗ cô để cô không nhìn thấy.

B. đi sang lối đi khác để không gặp mặt cô.

C. lơ đi coi như không biết.

D. đến chào và hỏi thăm sức khỏe cô.

Câu 29: Hành vi phù hợp với sự tôn kính thầy cô giáo là:

A. cười đùa, phá rối trong giờ Thể dục.

B. cố ý phát biểu sai để trêu cô giáo mới về thực tập.

C. gặp lại cô giáo thực tập khi Hà đang học lớp 12, Hà chào cô giáo bằng chị.

D. gặp thầy cô giáo không dạy lớp mình vẫn lễ phép chào.

Câu 30: Tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn, không hoang mang, dao động được gọi là:

A. tự tin.

B. tự ti.

C. trung thực.

D. tiết kiệm.

Câu 31: Biểu hiện của tự tin là:

A. không dựa dẫm vào người khác, không mặc cảm với hoàn cảnh, số phận

B. luôn tin mọi việc mình làm đều đúng.

C. thấy ai khuyên làm gì cũng làm theo.

D. quyết định làm những việc mà chính mình cũng thấy không thực hiện được.

Câu 32: Đối lập với tự tin là:

A. tự ti, mặc cảm.

B. tự trọng.

C. trung thực.

D. tiết kiệm.

Câu 33: Câu thành ngữ nói về sự tự tin là:

A. Có cứng mới đứng đầu gió.

B. Áo gấm đi đêm.

C. Chuột chạy cùng sào.

D. Ngựa quen đường cũ.

Câu 34: Câu tục ngữ không nói về sự tự tin là:

A. Trời sinh voi trời sinh cỏ.

B. Thua keo này ta bày keo khác.

C. Tay không mà dựng cơ đồ mới ngoan.

D. Thất bại là mẹ thành công.

Câu 35: Câu tục ngữ “Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo” khuyên chúng ta:

A. đoàn kết.

B. trung thành.

C. tự tin.

D. tiết kiệm.

Câu 36: Dù gia đình nghèo nhưng G luôn học tập chăm chỉ và đạt thành tích cao trong học tập. G nói rằng: Gia đình mình tuy nghèo nhưng mọi người rất thương yêu nhau và mình sẽ quyết tâm mai sau trở thành một bác sĩ giỏi để chữa bệnh cho người nghèo. Câu nói của G thể hiện:

A. G là người tự tin.

B. G là người tự ti.

C. G là người khiêm tốn.

D. G là người tiết kiệm.

Câu 37: Sắp đến ngày nhà trường tổ chức Hội diễn Văn nghệ chào mừng ngày thành lập đoàn 26-3. Lớp 7A chuẩn bị tập một số tiết mục văn nghệ để tham gia

hội diễn. Thắng nói với lớp trưởng: “Nếu tớ không tham gia thì lớp sẽ thất bại”. Câu nói của Thắng cho thấy Thắng là người có tính cách:

- A. tự tin.
- B. tự cao.
- C. tự ti.
- D. tự trọng.

Câu 38: Đầu năm, cô giáo chủ nhiệm giao cho Toàn làm lớp phó phụ trách học tập, vì năm ngoái ở lớp 6 Toàn là học sinh giỏi. Toàn từ chối không nhận và nói: “Thưa cô, em không làm đâu ạ vì em không có khả năng”. Việc làm của Toàn chứng tỏ bạn là người:

- A. tự tin.
- B. tự cao.
- C. tự ti.
- D. khiêm tốn.

Câu 39: Tiếp nối, phát triển và làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng được gọi là:

- A. gia đình đoàn kết.
- B. gia đình hạnh phúc.
- C. giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
- D. gia đình văn hóa.

Câu 40: Câu tục ngữ “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” nói về truyền thống:

- A. yêu nước.
- B. hiếu học.
- C. tôn sư trọng đạo.
- D. đoàn kết.

Câu 41: Để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ chúng ta cần phải:

- A. chăm ngoan, học giỏi, kính trọng, giúp đỡ ông bà, sống lương thiện.
- B. ham thích các thú vui thiếu lành mạnh.
- C. sa vào các tệ nạn xã hội
- D. làm tổn hại đến thanh danh của gia đình.

Câu 42: Hàng năm cứ vào cuối năm học dòng họ D luôn tổ chức tặng quà cho các con, cháu đạt kết quả cao trong học tập. Việc làm đó thể hiện:

- A. kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ.
- B. phô trương cho mọi người biết.
- C. khoe với mọi người về sự giàu có của dòng họ.
- D. chứng tỏ gia đình sống có đạo đức và kỉ luật.

Câu 43: Biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là:

- A. xóa bỏ các mặt hàng truyền thống thay bằng các mặt hàng nhập khẩu.
- B. bỏ nghề làm bánh đa sang nghề làm đẹp.
- C. bán lại bí quyết làm bánh cuốn cho người nhiều tiền.
- B. quảng bá nghề làm phở ra nước ngoài.

Câu 44: Ông nội và bố của N đều là bác sĩ đông y. Nam có ước mơ sau này học ngành Y. Ước mơ của N chứng tỏ:

- A. N có ý thức giữ gìn phát huy truyền thống của gia đình.
- B. N không biết chọn nghề nào nên chọn đi theo nghề của ông và bố.
- C. N không thích các nghề khác.
- D. N thích làm bác sĩ đông y.

Câu 45: Quan điểm không đúng về giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ là:

LO
ON
IC
NH
★

- A. Gia đình, dòng họ nào cũng có những truyền thống tốt đẹp.
- B. giữ gìn truyền thống tốt đẹp của gia đình là thể hiện lòng biết ơn cha mẹ, ông bà, tổ tiên.
- C. không cần giữ gìn truyền thống, vì đó là những gì đã lạc hậu.
- D. giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình giúp ta có thêm sức mạnh trong cuộc sống.

Câu 46: Hành vi **không** đúng khi xây dựng gia đình văn hóa là:

- A. là chủ tịch xã Ông H luôn bao che cho con mình để đạt thành tích gia đình văn hóa.
- B. gia đình ông B luôn giúp đỡ mọi người lúc khó khăn.
- C. ông H luôn chăm lo cho gia đình chu đáo, với mọi người ông có thái độ hòa nhã.
- D. ông B dạy dỗ các con luôn sống yêu thương giúp đỡ mọi người, không làm những việc sai trái.

Câu 47: Câu ca dao: “Nhiều điều phải lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng” thể hiện đức tính:

- A. kỉ luật.
- B. yêu thương con người.
- C. trung thực.
- D. tiết kiệm.

Câu 48: Câu “Chết vinh còn hơn sống nhục” thể hiện đức tính:

- A. tự trọng.
- B. trung thực.
- C. tự tin.
- D. tiết kiệm.

Câu 49: Câu “Thua keo này, bày keo khác” nói về đức tính:

- A. tự tin.
- B. tự cao.
- C. tự trọng.
- D. tự ti.

Câu 50: Câu “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” nói về:

- A. tinh thần đoàn kết.
- B. lòng khoan dung.
- C. lối sống giản dị.
- D. lòng tự trọng.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tôn sư trọng đạo là gì? Tôn sư trọng đạo có ý nghĩa thế nào? Nêu bốn việc làm của bản thân thể hiện sự tôn sư trọng đạo.

Câu 2: Thế nào là gia đình văn hóa? Ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hóa. Em hãy nêu trách nhiệm của học sinh trong việc xây dựng gia đình văn hóa.

Câu 3: Thế nào là khoan dung? Ý nghĩa của lòng khoan dung. Hãy nêu bốn việc làm của em thể hiện sự khoan dung.

Câu 4: Thế nào là tự tin? Ý nghĩa của tự tin. Cách rèn luyện để trở thành người tự tin.

Câu 5: Bài tập tình huống

Tình huống 1:

Một lần bạn H để quên cuốn nhật ký ở trong ngăn bàn, bạn D rất tò mò nên đã mở ra xem. Biết D đọc trộm cuốn nhật ký của mình H đã rất giận và đã to tiếng mắng D, còn D thì liên tục xin lỗi H. Để 2 bạn D và H làm hòa với nhau theo em nên làm như thế nào?

Tình huống 2:

Trong dòng họ của Mai chưa có ai đỗ đạt cao và làm chức vụ gì quan trọng. Mai xấu hổ, tự ti về dòng họ và không bao giờ giới thiệu dòng họ của mình với bạn bè.

- a. Em có đồng tình với suy nghĩ của Mai không? Vì sao?
- b. Em sẽ góp ý gì cho Mai?

01/01/2021

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Học sinh ôn lại kiến thức các bài: 8,9,10,11,12,13,14,15.
2. Nội dung chính: Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến TK XIV.
 - Buổi đầu độc lập thời Ngô-Đinh-Tiền Lê (thế kỉ X).
 - Nước Đại Việt thời Lý (TK XI-XII).
 - Nước Đại Việt thời Trần (thế kỉ XIII – XIV).

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Câu 1. Sau khi lên ngôi vua Ngô Quyền đã chọn xây dựng kinh đô ở

- A. Hoa Lư. B. Phong Châu. C. Đại La. D. Cổ Loa.

Câu 2. Dòng sông được nhắc đến trong câu thơ sau là

*“Đây là nơi chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thành bắt Ô Mã,
Cũng là bãi đất xưa, thừa trước Ngô Chúa phá Hoằng Thao”*

(Trương Hán Siêu)

- A. Sông Mã. B. Sông Cả. C. Sông Đà. D. Sông Bạch Đằng.

Câu 3. Người đã có công dẹp "Loạn 12 sứ quân" là

- A. Ngô Quyền. B. Lê Hoàn. C. Lí Công Uẩn. D. Đinh Bộ Lĩnh.

Câu 4. Đinh Bộ Lĩnh được nhân dân tôn xưng là

- A. Vạn Thắng Vương. B. Bắc Bình Vương.
C. Bình Định Vương. D. Bố Cái Đại Vương.

Câu 5. Căn cứ của nghĩa quân Đinh Bộ Lĩnh được xây dựng ở vùng đất

- A. Cổ Loa (Hà Nội). B. Hoa Lư (Ninh Bình).
C. Phong Châu (Phú Thọ). D. Thuận Thành (Bắc Ninh).

Câu 6. Đoạn trích dưới đây nói về vị vua tài giỏi của lịch sử dân tộc là

“Vào tuổi nhi đồng, vua thường cùng bọn trẻ con chăn trâu ngoài đồng. Bọn trẻ tự hiểu kiến thức không bằng vua, cùng nhau suy tôn ông làm trưởng. Phàm khi chơi đùa, thường bắt bọn chúng chèo tay làm kiệu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước như nghi trượng thiên tử.”

- A. Lê Đại Hành. B. Ngô Quyền. C. Đinh Tiên Hoàng. D. Lê Long Đĩnh.

Câu 7. Nội dung không phải nguyên nhân Đinh Bộ Lĩnh dẹp được “Loạn 12 sứ quân” là

- A. Đinh Bộ Lĩnh là người có tài.
B. được nhân dân nhiều địa phương ủng hộ.
C. có sự giúp đỡ của quân Trần Lãm, Phạm Văn Hổ.
D. được sự giúp đỡ của nhà Tống.

Câu 8. Nội dung không đúng khi nhận xét về tổ chức nhà nước thời nhà Ngô là

- A. thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.
B. tổ chức còn đơn giản, sơ khai.
C. đặt cơ sở cho sự phát triển trong giai đoạn sau.
D. tổ chức nhà nước đã được tổ chức hoàn thiện, chặt chẽ.

Câu 9. Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đã đặt tên nước là

- A. Đại Cồ Việt. B. Đại Ngu. C. Đại Nam. D. Đại Việt.

Câu 10. Triều đại phong kiến nối tiếp nhà Đinh là

- A. nhà Lý. B. nhà Tiền Lê. C. nhà Trần. D. nhà Hậu Lê.



Câu 11. Nhà Tiền Lê được thành lập trong hoàn cảnh

- A. đất nước thái bình.
- B. nội bộ triều đình rối loạn, chia nhiều phe cánh.
- C. nhà Tống (Trung Quốc) đang lăm le xâm phạm bờ cõi.
- D. đất nước trong thời gian bị phương Bắc đô hộ.

Câu 12. Thời Đinh – Tiền Lê, ruộng đất trong nước nói chung thuộc sở hữu

- A. làng xã.
- B. địa chủ.
- C. nhà nước.
- D. nông dân.

Câu 13. Năm 981, viên tướng nhà Tống đã chỉ huy quân tiến đến xâm lược nước ta là

- A. Ô Mã Nhi.
- B. Triệu Tiết.
- C. Lưu Hoảng Tháo.
- D. Hầu Nhân Bảo.

Câu 14. Đinh Bộ Lĩnh chọn Hoa Lư làm kinh đô vì

- A. có địa hình bằng phẳng, thuận lợi cho việc tập trung dân cư.
- B. địa hình cao, cư dân ít chịu ảnh hưởng của lũ lụt.
- C. là quê hương của Đinh Bộ Lĩnh, địa hình hiểm trở, thuận lợi cho phòng thủ.
- D. tập trung nhiều nhân tài có thể giúp vua xây dựng đất nước.

Câu 15. Việc để quân địa phương đóng ở các lộ, luân phiên vừa luyện tập vừa làm ruộng có tác dụng

- A. vừa đảm bảo sản xuất nông nghiệp, vừa đảm bảo an ninh quốc phòng.
- B. đảm bảo lực lượng lao động cho sản xuất nông nghiệp.
- C. giảm được chi phí cho quân đội.
- D. tạo ra những lực lượng quân sự bảo vệ triều đình từ xa.

Câu 16. Kế sách cấm cọc trên sông Bạch Đằng của Lê Hoàn được kế thừa, vận dụng từ cuộc đấu tranh trong lịch sử dân tộc:

- A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền (938).
- B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40).
- C. Kháng chiến chống quân Lương xâm lược (545).
- D. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722).

Câu 17. Dưới thời Đinh – Tiền Lê, các nhà sư rất được trọng dụng vì

- A. quan lại chưa có nhiều, trình độ học vấn thấp.
- B. đạo Phật ảnh hưởng sâu rộng và các nhà sư có học vấn uyên bác nhất trong xã hội.
- C. các nhà sư và nhà chùa đều có thể lực về kinh tế, chính trị rất lớn.
- D. Nho giáo bị hạn chế phát triển trong xã hội.

Câu 18. Nội dung không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống là

- A. buộc nhà Tống phải cắt đất cho Đại Cồ Việt.
- B. thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân ta.
- C. giữ vững được nền độc lập non trẻ của dân tộc.
- D. thể hiện khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Cồ Việt.

Câu 19. Truyền thống yêu chuộng hòa bình của dân tộc được thể hiện trong cuộc kháng chiến chống Tống là

- A. quân ta truy kích, tiêu diệt quân Tống.
- B. trao trả tù binh và đặt lại quan hệ bang giao.
- C. giết chết tướng Hầu Nhân Bảo.
- D. quân ta đóng cọc mai phục địch trên sông Bạch Đằng.

Câu 20. Công lao lớn nhất của các triều đại phong kiến thời Ngô – Đinh – Tiền Lê đối với dân tộc là

- A. xây dựng bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương.
- B. phát triển kinh tế nông nghiệp.
- C. củng cố và giữ vững nền độc lập dân tộc.
- D. ổn định xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Câu 21. Thông tin không đúng về hoàn cảnh thành lập của nhà Lý là

- A. sau khi Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi không đủ tài đức để điều khiển đất nước.
- B. Lê Long Đĩnh nhận thấy không đủ tài đức để điều khiển đất nước nên chủ động nhường ngôi.
- C. các tăng sư và đại thần nhận thấy Lý Công Uẩn là người tài đức nên đã tôn lên làm vua.
- D. những người giữ chức cổ vấn trong triều đình nhà Tiền Lê tôn Lý Công Uẩn lên làm vua.

Câu 22. Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên thành là Thăng Long vào năm

- A.1008. B.1009. C.1010. D.1011.

Câu 23. Lí do chủ yếu mà Lý Công Uẩn chọn Đại La làm kinh đô của nhà Lý vì

- A. nơi đây có sông Tô Lịch thông ra sông Hồng, thuận tiện cho nhà vua ngồi trên thuyền rồng đi ngắm cảnh.
- B. Đại La gần với quê hương của ông (Từ Sơn – Bắc Ninh).
- C. đất Đại La hội tụ đầy đủ những điều kiện thuận lợi để trở thành trung tâm của đất nước về mọi mặt.
- D. Lý Công Uẩn không thích đất Hoa Lư và muốn đoạn tuyệt hoàn toàn với nhà Tiền Lê.

Câu 24. Nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt vào năm

- A.1010. B. 1020. C. 1050. D. 1054.

Câu 25. Thông tin không đúng về cách tổ chức bộ máy chính quyền trung ương của nhà Lý là

- A. vua ở ngôi theo chế độ cha truyền con nối.
- B. vua chỉ cho các sư tăng nắm giữ các chức vụ quan trọng của triều đình.
- C. các võ tướng vẫn giữ địa vị quan trọng nhất trong triều.
- D. nhà vua cho đặt chuông ở trước điện để dân đến kêu oan.

Câu 26. Năm ban hành và tên gọi của bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta là

- A. 1020 — Hình thư. B. 1025 – Hình luật.
- C. 1042 – Hình thư. D. 1054 – Đại Việt.

Câu 27. Quân đội dưới thời Lý gồm có

- A. hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương.
- B. ba bộ phận: cấm quân, kị binh và quân địa phương.
- C. một bộ phận: gọi chung là Quân đội nhân dân nhà Lý.
- D. bốn bộ phận: cấm quân, bộ binh, thủy binh và tượng binh.

Câu 28. Thông tin chính xác nhất về chính sách “ngụ binh ư nông” của nhà Lý là

- A. nhà nước cho thanh niên trai tráng đăng kí tên tham gia quân đội, nhưng chỉ bảo vệ xóm làng, đồng ruộng nơi mình sinh sống.
- B. nhà nước cho quân sĩ luân phiên về cày ruộng và thanh niên đăng kí tên vào sổ, nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần thì triều đình sẽ điều động.
- C. nhà nước cho quân sĩ đăng kí tham gia quân đội, khi được tuyển chọn thì yêu cầu họ tập trung về kinh thành để huấn luyện.
- D. chỉ khi nào có chiến tranh thì nhà Lý mới cho quân sĩ đăng kí tham gia quân đội và hướng dẫn họ tập luyện chiến đấu.

Câu 29. Để ổn định biên giới phía Nam và phía Bắc, nhà Lý đã

- A. đem quân đi đánh, dẹp tan các cuộc tấn công của quân Tống ở phía Bắc
- B. mỗi năm hai lần, nhà Lý đều cho Hoàng tử và Thái tử mang vàng bạc, châu báu dâng cho vua Tống và vua Cham-pa.
- C. dẹp tan các cuộc tấn công của Cham-pa do nhà Tống xúi giục, sau đó quan hệ trở lại bình thường giữa các bên.
- D. hàng năm cho người sang cống nạp Cham-pa và xin sắc phong.

Câu 30. Nhà Tống đẩy mạnh âm mưu xâm lược Đại Việt nhằm mục đích

- A. giải quyết khó khăn về tài chính trong nước bị cạn kiệt.
- B. làm cho nước ta bị suy yếu, tạo điều kiện cho quân Cham-pa xâm lược.
- C. trả thù cuộc chiến tranh xâm lược đã bị Lê Hoàn đánh bại trước đây.
- D. muốn dùng chiến tranh xâm lược để giải quyết cuộc khủng hoảng trong nước (khó khăn của tài chính, trấn áp cuộc nổi dậy của nhân dân...).

Câu 31. Chiến lược đánh chiếm Đại Việt của nhà Tống là

- A. Xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía Nam, còn mình thì ngăn cản việc buôn bán và đi lại ở phía Bắc của nhân dân hai nước Đại Việt và Tống.
- B. Liên kết với quân Cham-pa, Liêu và Hạ đồng loạt tiến quân vào Đại Việt.
- C. Dụ dỗ các tù trưởng dân tộc ít người ủng hộ nhà Tống, chống phá Đại Việt.
- D. Đáp án A và B đúng.

Câu 32. Kết quả cuộc tấn công của quân đội nhà Lý vào các thành châu Ung, châu Khâm và châu Liêm trên lãnh thổ Trung Quốc là

- A. nhà Tống từ bỏ ý đồ xâm lược, dâng cho Đại Việt các châu ở trên.
- B. bờ cõi nước ta được mở rộng thêm về phía Bắc.
- C. quân nhà Lý hạ được thành, làm suy yếu lực lượng quân Tống, buộc chúng bị động phải lùi lại kế hoạch xâm lược Đại Việt, còn chúng ta thì chủ động chuẩn bị phòng tuyến chặn đánh giặc.
- D. quân Tống thất bại và cầu cứu quân Cham-pa, Liêu, Hạ cứu viện nhưng không thành, phải đầu hàng và từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta.

Câu 33. Chính sách của nhà Lý khuyến khích nhân dân phát triển nông nghiệp là

- A. Mùa xuân hàng năm, các vua Lý thường về các địa phương cày tịch điền.
- B. khuyến khích nhân dân khai khẩn đất hoang.
- C. hàng năm tiến hành đào kênh mương, khai ngòi, đắp đê phòng ứng ngập, cấm giết hại trâu bò để bảo vệ sức kéo.
- D. tổ chức lễ cày tịch điền hàng năm, khuyến khích khai hoang, trị thủy, cấm giết hại trâu bò để bảo vệ sức kéo.

Câu 34. Lễ cày tịch điền là

- A. lễ cúng được mùa, do các quan lại triều đình tiến hành.
- B. lễ tế thần Nông, do các bộ lão tiến hành.
- C. lễ tế thần Nông, do nhà vua tiến hành, sau khi tế xong thì nhà vua đích thân xuống ruộng cày vài đường tượng trưng.
- D. lễ tế Trời Đất và thần Nông do đích thân nhà vua tiến hành tại cung đình.

Câu 35. Nhà Lý cho xây dựng Văn Miếu để thờ Khổng Tử vào năm

- A. 1050.
- B. 1060.
- C. 1070.
- D. 1075.

Câu 36. Quốc Tử Giám – nơi được coi là trường đại học đầu tiên của quốc gia Đại Việt được nhà Lý xây dựng năm

- A. 1070. B. 1075. C. 1077. D. 1080.

Câu 37. Công trình được xây dựng trên một cột đá lớn, dựng giữa hồ, tượng trưng cho một bông sen nở trên mặt nước là

- A. Chùa Tây Phương – Hà Nội. B. Chùa Dâu – Bắc Ninh.
C. Chùa Một Cột – Hà Nội. D. Tháp Phổ Minh – Hà Nội.

Câu 38. Cấm quân của nhà Lý có nhiệm vụ

- A. canh phòng ở các lộ, phủ.
B. bảo vệ vua và kinh thành.
C. bảo vệ vùng biên giới của đất nước.
D. chia thành phiên thay nhau đi luyện tập và về quê sản xuất.

Câu 39. Pháp luật thời Lý nghiêm cấm việc giết mổ trâu, bò vì

- A. các vua thời Lý tôn sùng Đạo Phật nên cấm sát sinh.
B. trâu, bò là động vật quý hiếm.
C. trâu, bò là động vật linh thiêng.
D. để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

Câu 40. Chính sách “ngụ binh ư nông” của nhà Lý có tác dụng

- A. tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp.
B. nuôi dưỡng lực lượng vũ trang khi đất nước có chiến tranh.
C. giảm bớt ngân quỹ chi cho quốc phòng.
D. đảm bảo lực lượng tham gia sản xuất trong thời bình nhưng khi có chiến tranh hoặc bất cứ khi nào triều đình cần đều có thể sẵn sàng chiến đấu.

Câu 41. “Ngôi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc”, đó là câu nói của

- A. Trần Quốc Tuấn. B. Trần Thủ Độ. C. Lý Thường Kiệt. D. Lý Công Uẩn.

Câu 42. Cuộc chiến đấu để đánh chiếm thành Ung Châu diễn ra trong

- A. 40 ngày. B. 50 ngày. C. 45 ngày. D. 42 ngày.

Câu 43. Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt cho xây dựng hệ thống phòng ngự ở

- A. Sông Bạch Đằng. B. Sông Mã.
C. Sông Như Nguyệt. D. Sông Thao.

Câu 44. Lý Thường Kiệt chủ động giảng hòa với quân Tống vì

- A. để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước, là truyền thống nhân đạo của dân tộc.
B. Lý Thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.
C. để bảo toàn lực lượng của nhân dân.
D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 45. Một trong những đặc điểm của khoa cử thời Lý là

- A. chương trình thi cử dễ dàng nên một số người đỗ đạt cao.
B. chế độ thi cử chưa có nề nếp, quy củ, khi nào triều đình cần mới mở khoa thi.
C. mỗi năm đề mở khoa thi.
D. 5 năm một lần triều đình tổ chức khoa thi.

Câu 46. Thời nhà Trần, cả nước được chia thành

- A. 10 lộ. B. 12 lộ. C. 14 lộ. D. 24 lộ.

Câu 47. Âm mưu xâm lược Đại Việt của Mông Cổ là

- A. mở rộng bờ cõi, thôn tính các nước ở phía Bắc Trung Quốc.
- B. đặt ách đô hộ để cai trị.
- C. làm bàn đạp chiếm Nam Tống và xâm lược các nước Đông Nam Á.
- D. tấn công Cham-pa.

Câu 48. Người chỉ huy quân Mông Cổ tấn công Đại Việt lần thứ nhất là

- A. Hốt Tất Liệt.
- B. Ngột Lương Hợp Thai.
- C. Vua Mông Cổ.
- D. Ô Mã Nhi.

Câu 49. Bộ luật mới của nhà Trần có tên gọi là

- A. Luật hình.
- B. Luật Hồng Đức.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hình thư.

Câu 50. Thời Trần, quân đội được tuyển chọn theo chủ trương

- A. quân phải đông, nước mới mạnh.
- B. quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông.
- C. quân lính vừa đông, vừa tinh nhuệ.
- D. quân đội phải văn võ song toàn.

Câu 51. Người có công lớn trong việc tổ chức cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ là

- A. Trần Quốc Tuấn.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Thánh Tông.
- D. Trần Quang Khải.

Câu 52. Khi quân Mông Cổ kéo vào Thăng Long, vua Trần đã chỉ đạo nhân dân Thăng Long thực hiện chủ trương

- A. kiên quyết chống trả để bảo vệ Thăng Long.
- B. “vườn không nhà trống”.
- C. cho người già, phụ nữ, trẻ con đi sơ tán.
- D. xây dựng phòng tuyến để ngăn chặn bước tiến của quân xâm lược.

Câu 53. Năm 1283, người đã chỉ huy hơn 1 vạn quân Nguyên và 300 chiến thuyền đánh vào nước ta là

- A. Thoát Hoan.
- B. Ô Mã Nhi.
- C. Toa Đô.
- D. Hốt Tất Liệt.

Câu 54. Thời Trần, một số thợ thủ công ở Thăng Long cùng làm một nghề tụ họp lại thành

- A. làng nghề.
- B. phường nghề.
- C. xưởng thủ công.
- D. phường hội.

Câu 55. Dưới thời Trần, việc trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài được phát triển mạnh ở

- A. Thăng Long.
- B. Chương Dương.
- C. Vân Đồn.
- D. Phố Hiến.

Câu 56. Người đã dâng sớ đòi vua chém đầu 7 tên nịnh thần là

- A. Nguyễn Phi Khanh.
- B. Trần Quốc Tuấn.
- C. Trần Thủ Độ.
- D. Chu Văn An.

Câu 57. Hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ vào nửa sau thế kỷ XIV đã chứng tỏ

- A. nhà Trần đã suy yếu, vai trò ổn định và phát triển đất nước không còn.
- B. nông dân đã giác ngộ và có ý thức dân tộc.
- C. nhà Trần là vương triều không tốt, làm mất lòng tin ở nhân dân.
- D. nội bộ nhà Trần lục đục, mâu thuẫn.

Câu 58. "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo". Đó là câu nói của

- A. Trần Quốc Tuấn.
- B. Trần Bình Trọng.
- C. Trần Quốc Toản.
- D. Trần Thủ Độ.

Câu 59. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai, người tự giương cao lá cờ “Phá cường địch, báo hoàng ân” là

- A. Trần Quốc Tuấn.
- B. Phạm Ngũ Lão.
- C. Trần Khánh Dư.
- D. Trần Quốc Toản.

Câu 60. Người được vua Trần giao trọng trách Quốc công tiết chế chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai là

A. Trần Khánh Dư.
C. Trần Quang Khải.

B. Trần Nhật Duật.
D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 61. “Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì trước hãy chém đầu thần rồi hãy hàng” là câu nói của

A. Trần Bình Trọng. B. Trần Thủ Độ. C. Trần Khánh Dư. D. Trần Quốc Tuấn

Câu 62. Nhà y học và dược học lỗi lạc thời Trần đã nghiên cứu thành công nhiều loại cây cỏ trong nước để chữa bệnh là

A. Lê Hữu Trác (Hải Thượng Lãn Ông).

B. Nguyễn Bá Tĩnh (Tuệ Tĩnh).

C. Phan Phu Tiên.

D. Phạm Sư Mạnh.

Câu 63. Cuối thế kỷ XIV, người có công chế tạo ra súng thần cơ và đóng các loại thuyền lớn ở nước ta là

A. Trần Hưng Đạo. B. Hồ Nguyên Trừng. C. Trĩ Quang Khải. D. Trần Nguyên Đán.

Câu 64. “Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy

Đồng quê than vẫn trông vào đâu?”

Người đã viết hai câu thơ trên mô tả cuộc sống của dân chúng dưới thời Trần nửa sau thế kỷ XIV là

A. Trần Quốc Tuấn.

B. Trần Quang Khải.

C. Trương Hán Siêu.

D. Nguyễn Phi Khanh.

Câu 65. Dòng sông đã ghi dấu ấn ba lần đánh bại quân xâm lược ở nước ta là

A. Sông Như Nguyệt.

B. Sông Mã.

C. Sông Bạch Đằng.

D. Sông Hồng.



Lê Thị Ngọc Anh

TỔ- NHÓM CM

Nguyễn Thị Bích



**PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN SINH HỌC 7
Năm học 2021 – 2022**

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

- *Chương 3: Các ngành Giun*
 - + Ngành Giun dẹp
 - + Ngành Giun tròn
 - + Ngành Giun đốt
- *Chương 4: Ngành Thân mềm*
- *Chương 5: Ngành Chân khớp*
 - + Lớp Giáp xác
 - + Lớp Hình nhện
 - + Lớp Sâu bọ

B. BÀI TẬP

Câu 1: Các đại diện thuộc ngành Giun tròn

A. đĩa, giun đất.

B. giun đỏ, giun kim.

C. giun kim, giun dũa.

D. giun tóc, giun đỏ.

Câu 2: Các đại diện thuộc ngành Thân mềm

A. mực, ốc, trai, sứa.

B. sò, thủy tức, ốc sên, bạch tuộc

C. ốc, bạch tuộc, bào ngư, sò huyết.

D. Sứa, sò, mực, ốc sên.

Câu 3: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt ngành Chân khớp với các ngành động vật khác là

A. cơ thể phân đốt và không có khả năng cử động.

C. phát triển qua lột xác.

B. các phần phụ phân đốt và khớp động với nhau.

D. lớp vỏ ngoài bằng kitin.

Câu 4: Khi quan sát bằng mắt thường, cua đồng đực khác cua đồng cái ở điểm nào?

A. Cua cái có đôi càng và yếm to hơn cua đực.

B. Cua đực có đôi càng to khỏe hơn, cua cái có yếm to hơn cua đực.

C. Cua đực có yếm to hơn nhưng đôi càng lại nhỏ hơn cua cái.

D. Cua đực có đôi càng và yếm to hơn cua cái.

Câu 5: Trong ngành Chân khớp, lớp nào có giá trị lớn về mặt thực phẩm cho con người?

A. Lớp Đuôi kiếm.

B. Lớp Giáp xác.

C. Lớp Hình nhện.

D. Lớp Sâu bọ.

Câu 6: Ngành Thân mềm có khoảng

A. 700 loài.

B. 7000 loài.

C. 70000 loài.

D. 700000 loài.

Câu 7: Mực khác với bạch tuộc ở đặc điểm

A. thích nghi với đời sống bơi lội tích cực.

B. làm thực phẩm cho con người.

C. có mai cứng ở phía lưng.

D. sống ở biển.



Câu 8: Đại diện của lớp Hình nhện là

- A. bộ ngựa. B. cua nhện. C. ve bò. D. ve sầu.

Câu 9: Động vật nào dưới đây ở giai đoạn trưởng thành giúp thụ phấn cho hoa, nhưng trong giai đoạn sâu non lại gây hại cây trồng?

- A. Bướm. B. Ong mật. C. Nhện đỏ. D. Bọ cạp.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây về Sán lá gan là đúng?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
B. Cơ thể có đối xứng tỏa tròn.
C. Sán lá gan không có giác bám.
D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 11: Quá trình chằng lưới ở nhện bao gồm

- (1): Chăng tơ phóng xạ. (2): Chăng các tơ vòng. (3): Chăng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự đúng

- A. $(3) \rightarrow (1) \rightarrow (2)$.
 B. $(3) \rightarrow (2) \rightarrow (1)$.
 C. $(1) \rightarrow (3) \rightarrow (2)$.
 D. $(2) \rightarrow (3) \rightarrow (1)$.

Câu 12: Hóa thạch của Ốc oanh vũ có ý nghĩa thực tiễn như thế nào?

- A. Làm đồ trang sức.
B. Có giá trị về mặt địa chất.
- C. Làm sạch môi trường nước.
D. Làm thực phẩm cho con người.

Câu 13: Các đại diện thuộc ngành Chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn là

- A. tôm sông, nhện, ve sầu.
B. kiến, ong mật, nhện.
C. kiến, nhện, tôm ở nhờ.
D. ong mật, tôm sông, tôm ở nhờ.

Câu 14: Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái mập và dài hơn giun đực giúp

- A. con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.
B. tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.
C. tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản.
D. tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ.

Câu 15: Nhiều ao đào thả cá, trai không thả mà tự nhiên có vì

- A. ấu trùng trai bám vào cây thủy sinh. C. ấu trùng trai bám vào da cá.
B. ấu trùng trai bám trên mình ốc. D. ấu trùng trai bám trên tôm.

Câu 16: Các đại diện của ngành Thân mềm có tập tính sống vùi mình là

- A. trai, sò, mực. C. trai, mực, bạch tuộc.
B. ốc sên, ốc bươu vàng, sò. D. trai, sò, ngao.

Câu 17: Tập tính ôm trứng ở tôm mẹ có ý nghĩa

- A. giúp trứng tận dụng oxy từ cơ thể mẹ. C. bảo vệ trứng khỏi kẻ thù.
B. giúp phát tán trứng đi nhiều nơi. D. giúp trứng nhanh nở.

Câu 18: Loài Thân mềm có tác hại đục thủng thuyền và phá hoại các công trình gỗ dưới nước là

- A. con hà. B. ốc nước ngọt. C. bạch tuộc. D. trai sông.

Câu 19: Lớp sừng của trai được hình thành và phát triển từ

- A. các tuyến bài tiết. C. mặt ngoài của áo trai.
B. mặt trong của áo trai. D. các dây chằng nối các mảnh vỏ trai.

Câu 20: Các đại diện thuộc ngành Chân khớp cần phải lột xác để lớn lên vì

- A. lớp vỏ kitin cứng ngăn cản quá trình lớn lên của chúng.
- B. lớp vỏ cuticun giúp chống lại dịch tiêu hóa ở dạ dày.
- C. lớp vỏ cuticun mỏng, dễ dàng hấp thụ các chất dinh dưỡng.
- D. lớp vỏ kitin khiến chúng dễ bị kẻ săn mồi phát hiện.

Câu 21: Khi gặp kẻ thù, mực tự vệ bằng cách nào?

- A. Vùi mình sâu vào trong cát.
- B. Phun mực, nhuộm đen môi trường nhằm che mắt kẻ thù để chạy trốn.
- C. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù.
- D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ.

Câu 22: Ở phần đầu ngực của nhện, cơ quan nào có chức năng bắt mồi và tự vệ?

- A. Đôi kìm có tuyến độc.
- B. Núm tuyến tơ.
- C. Đôi chân xúc giác.
- D. Bốn đôi chân bò.

Câu 23: Người ta thường câu tôm sông vào thời gian nào trong ngày?

- A. Sáng sớm.
- B. Buổi trưa.
- C. Chập tối.
- D. Ban chiều.

Câu 24: Tập tính nào không có ở kiến?

- A. Đực cái nhận biết nhau bằng tín hiệu.
- B. Chăn nuôi động vật khác.
- C. Chăm sóc thế hệ sau.
- D. Dự trữ thức ăn.

Câu 25: Ở nhện, cơ quan nào dưới đây nằm ở phần bụng?

- A. Các núm tuyến tơ.
- B. Đôi kìm.
- C. Các đôi chân bò.
- D. Đôi chân xúc giác.

Câu 26: Sứa sống trong môi trường

- A. nước ngọt.
- B. nước mặn.
- C. nước lợ.
- D. đất ẩm.

Câu 27: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.
- B. Thu hút con mồi lại gần tôm.
- C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.
- D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 28: Trong quá trình lớn lên,ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần vì

- A. lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ.
- B. chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục.
- C. lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm.
- D. sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng ngụy trang.

Câu 29: Khi rình mồi, nếu có sâu bọ sa lưới, lập tức nhện thực hiện các thao tác

- (1): Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi.
- (2): Nhện hút dịch lỏng ở con mồi.
- (3): Nhện ngấm chặt mồi, tiết nọc độc.
- (4): Trói chặt mồi rồi treo vào lưới một thời gian.

Hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự đúng.

- A. (3) → (2) → (1) → (4).
- B. (3) → (1) → (4) → (2).
- C. (2) → (4) → (1) → (3).
- D. (2) → (4) → (3) → (1).

BIÊN TẬP HẠ



Câu 30: Phát biểu nào sai về đặc điểm chung của lớp Sâu bọ?

- A. Vỏ cơ thể bằng pectin, vừa là bộ xương ngoài, vừa là chiếc áo ngực trang của chúng.
- B. Có nhiều hình thức phát triển biến thái khác nhau.
- C. Cơ thể chia làm ba phần rõ ràng: đầu, ngực và bụng.
- D. Đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh.

Câu 31: Giáp xác có vai trò như thế nào đối với đời sống con người?

- A. Làm nguồn nhiên liệu thay thế cho các khí đốt.
- B. Được dùng làm mỹ phẩm cho con người.
- C. Là chỉ thị cho việc nghiên cứu địa tầng.
- D. Là nguồn thực phẩm quan trọng của con người.

Câu 32: Đặc điểm nào không có ở các đại diện thuộc ngành Thân mềm?

- A. Có vỏ đá vôi.
- B. Có khoang áo.
- C. Cơ thể phân đốt.
- D. Hệ tiêu hoá phân hoá.

Câu 33: Những loài trai nào đang được nuôi để lấy ngọc?

- A. Trai cánh nước ngọt và trai sông.
- B. Trai cánh nước ngọt và trai ngọc ở biển.
- C. Trai tượng.
- D. Trai ngọc và trai sông.

Câu 34: Những loài giáp xác nào có hại cho động vật và con người?

- A. Sun và chân kiếm kí sinh.
- B. Sun và rận nước.
- C. Cua nhện và sun.
- D. Rận nước và chân kiếm kí sinh.

Câu 35: Phát biểu nào sai khi nói về trai sông

- A. Trai sông là động vật lưỡng tính.
- B. Trai cái nhận tinh trùng của trai đực qua dòng nước.
- C. Phần đầu cơ thể tiêu giảm.
- D. Ấu trùng sống bám trên da và mang cá.

BAN GIÁM HIỆU

TỔ CHUYÊN MÔN

NHÓM SINH 7



Lê Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thế Mạnh

Nguyễn Thị Ngọc

A. UNITS: 1 →6

B. VOCABULARIES

- Hobbies, action verbs.
- Health problems and health tips.
- Community service and volunteer work.
- Music and arts.
- Food and drink, appearance and taste of different foods and drinks, verbs for cooking.
- Historic places and things, things to take on a trip.

C. PRONUNCIATION

- **Sounds:** /ɜ:/, /ə/, /f/, /v/, /g/, /k/, /ʃ/, /ʒ/, /v/, /ɔ:/, /tʃ/, /dʒ/.

D. GRAMMAR:

- Present simple, future simple, past simple, present perfect tense.
- Verbs of liking + V-ing.
- Compound sentences.
- Imperatives with *more* and *less*.
- Comparisons: (not) *as...as*, *the same as*, *different from*.
- Express agreement: *too/ either*.
- Nouns (countable/ uncountable).
- *How much/ How many*.
- *a/ an/ some/ any*.
- Passive voice.

E. EXERCISES

I. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions:

- | | | | |
|------------------|--------------|---------------|-------------|
| 1. A. collection | B. tradition | C. exhibition | D. question |
| 2. A. version | B. pleasure | C. usual | D. design |
| 3. A. closure | B. sure | C. pleasure | D. leisure |
| 4. A. ocean | B. concert | C. musician | D. official |
| 5. A. so | B. expensive | C. saxophone | D. music |
| 6. A. bottle | B. one | C. coffee | D. pot |
| 7. A. morning | B. yoghurt | C. problem | D. what |
| 8. A. talk | B. sausage | C. salt | D. cause |
| 9. A. flour | B. flower | C. cow | D. pork |
| 10. A. noodle | B. Food | C. cook | D. soon |

II. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions:

- | | | | |
|-------------------|------------------|---------------|---------------|
| 1. A. adventure | B. advertisement | C. buffalo | D. detective |
| 2. A. cavity | B. unhealthy | C. personal | D. shower |
| 3. A. music | B. science | C. teacher | D. contain |
| 4. A. paddle | B. invent | C. display | D. cartoon |
| 5. A. information | B. direction | C. tomato | D. potato |
| 6. A. surprise | B. sugar | C. profession | D. success |
| 7. A. advance | B. around | C. industry | D. imperial |
| 8. A. natural | B. national | C. literature | D. suggestion |
| 9. A. charming | B. champagne | C. children | D. charity |

10. A. recognition

B. temple

C. tablet

D. emperor

III. Mark A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions:

1. His Jacket is almost the same colour _____ mine.

A. with

B. as

C. to

D. for

2. Water puppetry began _____ the 11th century.

A. in

B. on

C. at

D. from

3. The _____ is rather older now; however, his acting ability has never been better.

A. composer

B. actress

C. artist

D. actor

4. Janna can't play the piano, and Carol can't play it _____.

A. either

B. too

C. neither

D. as well

5. Juan and Patricia are not the same height Juan is _____ Patricia.

A. as tall as

B. not as tall as

C. more tall than

D. not tall than

6. Saxophones are used mainly for _____ jazz music.

A. composing

B. taking

C. playing

D. writing

7. I went to the 3D _____ last weekend. The paintings were excellent!

A. movie theater

B. concert hall

C. opera house

D. art museum

8. _____ I'm not a fan of country music, I thoroughly enjoyed his lively performance.

A. Although

B. Because

C. As

D. However

9. _____ does a water puppet show take place? ~ In a pool.

A. What

B. When

C. How

D. Where

10. Which is the national anthem of Vietnam?

A. Tieu Doan 307

B. Chien si Viet Nam

C. TienQuanCa

D. Tienve Ha Noi

11. The eel soup that your father has just cooked tastes very _____.

A. well

B. best

C. healthy

D. delicious

12. There isn't _____ for dinner, so I have to go to the market.

A. some left

B. any leaning

C. some leaving

D. any left

13. A _____ is a small meal that you eat when you are in a hurry.

A. snack

B. fast food

C. breakfast

D. lunch

14. _____ is hot food that is quick to cook, and is served very quickly in a restaurant.

A. Hot food

B. Fast food

C. Sandwiches

D. Hamburgers

15. _____ water should I put into the glass?

A. How

B. How much

C. How many

D. What

16. _____ tomatoes do you need to make the sauce?

A. How much

B. How many

C. How long

D. How often

17. _____ bottles of milk does your family need for a week?

A. How much

B. How many

C. How

D. How often

18. How many _____ do you want?

A. orange juice

B. bottle of orange juice

C. jar of orange juice

D. cartons of orange juice

19. Is there any butter _____ in the refrigerator?

A. leave

B. to leave

C. to leaving

D. left

20. There is _____ tofu, but there aren't _____ sandwiches.

A. some - some

B. any - any

C. some - any

D. any - some

21. The Temple of Literature _____ in 1070.

A. find

B. found

C. was found

D. was founded

22. The Imperial Academy was _____ in 1076 under Emperor Ly Nhan Tong.

A. build

B. construct

C. constructed

D. constructing

23. The Imperial Academy was regarded _____ from first university in Viet Nam.

A. to

B. as

C. for

D. of

24. The students of the Imperial Academy _____ from local examinations all over the country.

- A. selected B. was selected C. were selected D. selecting

25. The students at the Imperial Academy were carefully _____ for the National examinations first, and then the Royal examinations.

- A. studied B. prepared C. learned D. taken

26. The Imperial Academy was _____ young men for the country.

- A. used to educate B. used of educating C. used to educating D. used to educate

27. Students at Oxford University _____ by famous lecturers and tutors in many departments.

- A. teach and support B. taught and supported
C. are taught and supported D. are taught to support

28. Bach Ma National Park _____ close to the sea.

- A. locates B. located C. is located D. is being located

29. Tan Ky House in Hoi An _____ over two hundred years ago.

- A. build B. is built C. is to build D. was built

30. A lot of flowers _____ in Da Lat throughout the year.

- A. grow B. grew C. growing D. are grown

31. Richard: "Do you enjoy doing the school Quiz?"

Gabriel: " _____ "

- A. Of course, I will. B. What's the matter?
C. That's the least I could do. D. It was lots of fun.

32. Tyler: "Let's buy this pink purse for Mum!"

Selena: " _____ "

- A. Yes, you're right. B. Good idea!
C. I'm fine, thanks. D. You must be a fool!

33. Trent: "How much are those socks, please?"

Shopkeeper: " _____ "

- A. Are you blind? B. Read the price tag!
C. The white ones? D. How about you?

34. Lauren: "What was Irene's party like?"

Anton: " _____ "

- A. I didn't go to it. B. Thanks, that's nice.
C. I'd like a big cake. D. She was very lovely.

35. Justin: "Send me a text message tomorrow."

Katie: " _____ "

- A. I phoned you at 7.30 B. What's your number?
C. Thank you, Justin. D. How dare you?

IV. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions:

1. Solving that math problem was a piece of cake to me. I just needed two minutes.

- A. very hard B. very easy C. very delicious D. very cheap

2. Ngoc is very interested in watching cartoon on TV.

- A. fond of B. fed up with C. tired of D. sick with

3. He comes from a very wealthy family, so he has a lot expensive cars.

- A. rich B. traditional C. expensive D. Normal

V. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:

1. Last winter, we gave away a lot of warm clothes to homeless people in Hanoi.

- A. kept B. presented C. took D. donated

2. Photography is not very popular among students in Vietnam.
 A. common B. uncommon C. exciting D. interesting
3. Drinking at least 2 liters of water a day is good for your physical and mental health.
 A. healthy B. unhealthy C. beneficial D. great

VI. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions:

1. It is the first time I get all the answers right in a test.
 A. It is B. get C. right in D. a test
2. Eating fruits and vegetables every day are very healthy.
 A. healthy B. are C. Eating fruits D. a test
3. When I was small, I couldn't swim and now I can't too.
 A. small B. couldn't C. and D. too
4. Mai's hairs is longer than mine.
 A. Mai's B. hairs C. longer D. mine
5. I wasn't written this letter but it was sent to me yesterday by my friend, John.
 A. wasn't written B. it C. friend D. sent

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks:

While art may not be vital to fulfill our basic needs, it does make life (1) _____. When you look at a painting or poster hang on your living room wall, you feel happy. The sculpture on the kitchen windowsill create a (2) _____ of joy. These varieties of art forms that we are surrounded by all come (3) _____ to create the atmosphere that we want to live in.

Just like art, music can make life extremely joyful and can have a huge effect (4) _____ our mood. If you have something hard or difficult to work on or are feeling tired, an energetic song will likely (5) _____ you up and add some enthusiasm to the situation. Similarly when stress is high, many people find that relaxing to calming music is something that eases the mind.

1. A. boring B. beautiful C. joyful D. helpful
 2. A. sense B. feel C. cause D. way
 3. A. away B. along C. down D. together
 4. A. on B. in C. at D. of
 5. A. take B. wake C. pick D. bring

VIII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions:

Vietnamese food culture varies by regions from the north to the south. In Northern Vietnam, food is characterized by light and balanced. Northern Vietnam is seen to be the cradle of Vietnamese cuisine with many notable dishes like Pho, Bun Rieu, Bun Thang, Bun Cha, BanhCuon, etc. Then, food culture in Northern Vietnam became popular in Central and Southern Vietnam with suitable flavors in each regions.

The regional cuisine of Central Vietnam is famous for its spicy food. Hue cuisine is typical Central Vietnam's food culture. Food in the region is often used with chili peppers and shrimp sauces, namely, Bun Bo Hue, BanhKhoai, BanhBeo, etc.

In Southern Vietnam, the warm weather and fertile soil create an ideal condition for planting a variety of fruit, vegetables and livestock. Thus, food in the region is often added with garlic, shallots and fresh herbs. Particularly, Southerners are favored of sugar; they add sugar in almost dishes. Some signature dishes from Southern Vietnam include BanhKhot and Bun Mam.

1. It is considered that Vietnamese cuisine _____.
 A. originated from the North
 B. became more and more popular
 C. always combines taste and colour
 D. can be found only in Northern Vietnam

2. What are the features of Northern Vietnamese food?
 - A. It's delicious and healthy.
 - B. It's sweet and sour.
 - C. It's light and balanced.
 - D. It's a bit fatty and salty.
3. Hue cuisine is notable for its _____.
 - A. colorful food
 - B. spicy taste
 - C. bitter taste
 - D. light flavor
4. In Southern Vietnam, _____.
 - A. the warm weather makes it hard to plant fruit and vegetables
 - B. fresh herbs are always used in cooking
 - C. people love sweet food
 - D. sugar is often added to dishes
5. Which of the followings is NOT true?
 - A. Food in Vietnam changes region to region.
 - B. Southerners do not like northern food due to its light flavor.
 - C. Chill peppers and shrimp sauces are among the frequently used ingredients.
 - D. Bun Bo Hue is a typical dish of the Central Vietnam cuisine

IX. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

School of Rock

Have you seen the film *School of Rock*? It's about a rock musician who became a teacher. The film is based on a real music school which is run by Paul Green. Paul Green started the first *School of Rock* in 1998 in Philadelphia in the USA. He gave students rock music lessons after school, but he wanted to do more. Now he gives them the chance to play in rock concerts. "Some of our students have never played in front of a real audience before. We teach them how to do it," he says. He has already taught hundreds of young people to be rock performers, and now there are over 30 schools of rock in different towns in the USA.

1. How many schools of rock are there in the USA?
 - A. over 20
 - B. over 30
 - C. over 40
 - D. over 50
2. What is the film *School of Rock* about?
 - A. It is about a painter
 - B. It is about a school
 - C. It is about a concert
 - D. It is about a rock musician
3. When did Paul Green start his first rock school?
 - A. In 1995
 - B. In 1996
 - C. In 1997
 - D. In 1998
4. What does he teach his students to do?
 - A. He teaches them how to dance
 - B. He teaches them how to play in front of a real audience
 - C. He teaches them how to play musical instruments
 - D. He teaches them how to make a film
5. Who runs the real music school?
 - A. Rock performers
 - B. An audience
 - C. Paul Green
 - D. Students

X. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

Vietnamese people may (1) _____ to drink at coffee shops or pubs on weekdays (2) _____ their friends after work. Some of them invite their friends to drink at their homes on weekends. In the past, the Vietnamese usually (3) _____ home-made alcohol such as "ruou gao" or "ruou de". Then, they started to drink beer or imported wines.

Vietnamese people know about the damage of drinking alcohol, but they still drink. More Vietnamese people (4) _____ their free time outside their homes such as cinemas, theatres or coffee shops. The number of places for entertainment has increased in big cities. However,

more young people use their free time to study or attend clubs or centres for improving (5) _____ such as communications, presentation and team working.

- | | | | | |
|----|-------------|-----------|---------------|--------------|
| 1. | A. go on | B. go out | C. go | D. go away |
| 2. | A. for | B. of | C. with | D. to |
| 3. | A. drinking | B. drink | C. to drink | D. drank |
| 4. | A. spend | B. take | C. come | D. waste |
| 5. | A. memory | B. skills | C. experience | D. knowledge |

XI. Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. I am 14 and my new friend in the guitar club is 14 too.

- A. My new friend in the guitar club is the same age as me.
- B. My new friend in the guitar club is unlike me.
- C. My new friend in the guitar club is not as old as me.
- D. My new friend in the guitar club is as old as me.

2. I think Iron Man 2 is interesting. Iron Man 1 was also interesting.

- A. I think Iron Man 2 is different from Iron Man 1.
- B. I think Iron Man 2 has the same content as Iron Man 1.
- C. I think Iron Man 2 is as interesting as Iron Man 1.
- D. I think Iron Man 2 isn't as interesting as Iron Man 1.

3. I think photography is interesting but Kim finds it boring.

- A. Kim and I have the same opinion on photography.
- B. My opinion on photography is different from Kim's.
- C. Kim's opinion on photography is the same as mine.
- D. Kim's opinion on photography is as same as mine.

4. It was very hot. He switched on the fan.

- A. It was very hot, so he switched on the fan.
- B. Because he switched on the fan, it was very hot.
- C. It was very hot, but he switched on the fan.
- D. So it was very hot, he switched on the fan.

5. You will miss the train. You must hurry.

- A. You must hurry, so you will miss the train.
- B. Because you must hurry, you will miss the train.
- C. You must hurry, or you will miss the train.
- D. Missing the train means you must hurry.

6. Some body cleans the room every day.

- A. The room every day is cleaned.
- B. The room is every day cleaned.
- C. The room is cleaned every day.
- D. The room is cleaned by somebody every day.

7. They cancelled all flights because of fog.

- A. All flights because of fog were cancelled.
- B. All flights were cancelled because of fog.
- C. All flights were because of fog cancelled.
- D. All flights were cancelled by them because of fog.

8. Mr. Viet started collecting stamps two years ago.

- A. Mr. Viet has started collecting stamps for two years.
- B. Mr. Viet has been collected stamps for two years ago.
- C. Mr. Viet has collected stamps for two years ago.
- D. Mr. Viet has collected stamps for two years.

XII. Mark the letter A, B, C or D to indicate the meaningful sentence using the words given.

1. She/ enjoy/ read/ books.

- A. She enjoys to read books.
- B. She enjoy reading books.
- C. She enjoys reading books.
- D. She enjoy to read books.

2. She/ start/ the hobby/ when/ she/ 6.

- A. She started the hobby when she was 6.
- B. She starts the hobby when she will be 6.
- C. She has started the hobby when she was 6.
- D. She starts the hobby when she 6.

3. Do / exercise / regularly / help / you / stay / healthy.

- A. Doing exercise regularly helps you stay healthy.
- B. Doing exercise regularly help you stay healthy.
- C. Do exercise regularly helps you stay healthy.
- D. Doing exercise regularly helps you are stay healthy.

4. We / need / calories / or / energy / do / things / every day.

- A. We need calories or energy do things every day.
- B. We need calories or energy doing things every day.
- C. We needs calories or energy do things every day.
- D. We need calories or energy to do things every day.

5. Eat / less / sweet / food / and / eat / more / fruit / vegetables.

- A. Eating less sweet food and eat more fruits and vegetables.
- B. Eating less sweet food and eating more fruits and vegetables.
- C. Eating less sweet food and to eat more fruits and vegetables.
- D. Eat less sweet food and eat more fruits and vegetables.

XIII. Rewrite the following sentences using the words given.

1. Cycling is faster than walking. (as)

Walking _____

2. This tea doesn't taste the same as the one I usually drink. (from)

This tea _____

3. Money is not as important as health. (than)

Health _____

4. His new guitar isn't different from his old one. (as)

His new guitar _____

5. Everest is higher than K2. (as)

K2 _____

6. Oil painting is not the same as pencil painting. (from)

Oil painting _____

7. Yesterday's exam wasn't as short as today's. (than)

Today's exam _____

8. Your idea is different from mine. (as)

Your idea _____

XIV. Rewrite the sentences in passive voice.

1. People use the Internet all over the world.

2. Did the police find the missing girl?

3. Large numbers of tourists visit these tourist attractions annually.
4. They built Po Nagar Cham Towers to honour the goddess Po Nagar.
5. Tourists don't visit this museum very often.
6. She bought all this cheese in France.
7. They didn't invite me to their New Year party.
8. Do they sell mineral water in plastic bottles?
9. People consider the Imperial Academy the first university in Vietnam.
10. When did UNESCO recognise Ha Long Bay as a World Heritage Site?



BGH duyệt

Lê Thị Ngọc Anh

Tổ chuyên môn

Bùi Thị Thu Hạnh

Người lập

Nguyễn Thị Hồng Vân

I. Nội dung

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 5,6,7,8.

2. Nội dung chính: Ôn tập bài 3+ 4 + 5

- Bài 3: Thực hiện tính toán trên trang tính

- Bài 4: Sử dụng hàm để tính toán

- Bài 5: Thao tác với bảng tính

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Câu 1: Thông thường trong Excel, dấu được dùng để phân cách phần nguyên và phần thập phân là dấu

A. chấm

B. phẩy

C. nhảy đơn

D. nhảy kép

Câu 2: Khi gõ công thức vào một ô, kí tự đầu tiên phải là:

A. ô đầu tiên tham chiếu tới

C. dấu nhảy

B. dấu ngoặc đơn

D. dấu bằng

Câu 3: Giả sử cần tính tổng giá trị của các ô B2 và E4, sau đó nhân với giá trị trong ô C2. Công thức nào trong số các công thức sau đây là đúng:

A. =(E4+B2)*C2

C. =C2(E4+B2)

B. (E4+B2)*C2

D. (E4+B2)C2

Câu 4: Ở một ô tính có công thức sau: =((E5+F7)/C2)*A1 với E5 = 2, F7 = 8 , C2 = 2, A1 = 20 thì kết quả trong ô tính đó sẽ là:

A. 10

B. 100

C. 200

D. 120

Câu 5: Sắp xếp theo đúng thứ tự các bước nhập công thức vào ô tính:

1. Nhấn Enter

2. Nhập công thức

3. Gõ dấu =

4. Chọn ô tính

A. 4; 3; 2; 1

C. 2; 4; 1; 3

B. 1; 3; 2; 4

D. 3; 4; 2; 1

Câu 6: Trong các công thức sau, công thức nào thực hiện được khi nhập vào bảng tính?

A. =(12+8)/2^2 + 5 * 6

C. =(12+8):2^2 + 5 * 6

B. =(12+8):22 + 5 x 6

D. (12+8)/22 + 5 * 6

Câu 7: Cho phép tính sau: $(25+7) : (56-25) \times (8 : 3) : 2 + 64 \times 3\%$

Phép tính nào thực hiện được trong chương trình bảng tính?

A. =(25+7)/(56-25)x(8/3)/2+6^4x3%

C. =(25+7)/(56-2^5)*(8/3)/2+6^4* 3%

B. =(25+7)/(56-2^5)x(8/3):2+6^4x3%

D. =(25+7)/(56-2/5)x(8/3)/2+6^4x3%

Câu 8: Trong các công thức nhập vào ô tính để tính biểu thức $(9+7)/2$ thì công thức nào toán học sau đây là đúng?

A. (7 + 9)/2

B. = (7 + 9):2

C. = (7 + 9)/2

D. = 9+7/2



Câu 9: Để kết thúc việc nhập công thức ta sử dụng thao tác nào?

A. Nhấn Enter

C. Nháy chuột phải

B. Nháy chuột trái

D. Gõ dấu bằng

Câu 10: Nếu trong 1 ô tính có các ký hiệu #####, điều đó có nghĩa là?

A. Công thức nhập sai và bảng tính thông báo lỗi

B. Dòng chứa ô đó có độ cao thấp nên không hiển thị hết chữ số

C. Ô tính đó có độ rộng hẹp nên không hiển thị hết chữ số

Câu 11: Hàm AVERAGE là hàm dùng để:

A. Tính tổng

C. Tìm số trung bình cộng

B. Tìm số nhỏ nhất

D. Tìm số lớn nhất

Câu 12: Hàm SUM là hàm dùng để:

A. Tính tổng

C. Tìm số trung bình cộng

B. Tìm số nhỏ nhất

D. Tìm số lớn nhất

Câu 13: Hàm MIN là hàm dùng để:

A. Tính tổng

C. Tìm số trung bình cộng

B. Tìm số nhỏ nhất

D. Tìm số lớn nhất

Câu 14: Hàm MAX là hàm dùng để:

A. Tính tổng

C. Tìm số trung bình cộng

B. Tìm số nhỏ nhất

D. Tìm số lớn nhất

Câu 15: Kết quả của hàm sau: =SUM(A1:A3), trong đó: A1= 5; A2=39; A3=52

A. 96

C. 95

B. 89

D. Không thực hiện được

Câu 16: Kết quả của hàm sau: =AVERAGE(A1:A4), trong đó: A1=16; A2=29; A3= 24 ; A4=15

A. 23

C. 20

B. 21

D. Không thực hiện được

Câu 17: Kết quả của hàm sau : =MAX(A1,A5), trong đó: A1=5, A2=8; A3=9; A4=10; A5=2

A. 2

B. 10

C. 5

D. 34

Câu 18: Nếu khối A1:A5 lần lượt chứa các số 10, 7, 9, 27, 2 và công thức hàm là: =Max(A1:A5) kết quả phép tính nào sau đây đúng:

A. 2

B. 27

C. 11

D. 55

Câu 19: Kết quả của hàm =Average(3,8,10) là:

A. 21

B. 7

C. 10

D. 3

Câu 20: Để tính giá trị trung bình của ô A1, B1, C1 các cách tính nào sau đây là đúng:

A. =Arage (A1,B1,C1)

C. =Average (A1;B1;C1)

B. =Average(A1,B1,C1)

D. =Aevareg(A1,B1,C1)

Câu 21: Cho hàm =Sum(A5:A10) để thực hiện?

A. Tính tổng của ô A5 và ô A10

C. Tính tổng từ ô A5 đến ô A10

B. Tìm giá trị lớn nhất của ô A5 và ô A10

D. Tìm giá trị nhỏ nhất từ ô A5 đến ô A10

Câu 22: Trong Excel, giả sử một ô tính được nhập nội dung:

=SUM(1,2)+MAX(3,4)+MIN(5,6) Vậy kết quả của ô tính là bao nhiêu sau khi ấn phím Enter?

A. Không ra kết quả

C. 13

B. 12

D. Một kết quả khác

Câu 23: Trên trang tính, muốn thực hiện thao tác điều chỉnh độ rộng của cột khi:

- A. cột chứa đủ dữ liệu.
- B. cột không chứa hết dữ liệu hoặc dữ liệu quá ít.
- C. cột chứa dữ liệu số.
- D. cột chứa dữ liệu kí tự.

Câu 24: Trên trang tính, để điều chỉnh độ rộng của cột, trước tiên ta phải

- A. đưa chuột đến đường biên bên dưới của tên cột.
- B. đưa chuột đến đường biên bên trái của tên cột.
- C. đưa chuột đến đường biên bên phải của tên cột.
- D. đưa chuột đến đường biên bên trên của tên cột.

Câu 25: Trên trang tính, để điều chỉnh độ rộng cột và độ cao hàng vừa khít với văn bản trong ô ta thao tác nào?

- A. Nháy đúp chuột trên vạch phân cách cột/hàng
- B. Nháy chuột lên vạch phân cách cột/hàng
- C. Nháy đúp chuột trên đường biên bên phải của tên cột
- D. Nháy đúp chuột trên đường biên bên dưới của tên hàng

Câu 26: Trên trang tính, muốn thực hiện thao tác điều chỉnh độ cao của hàng khi

- A. hàng chứa đủ dữ liệu.
- B. hàng không chứa hết dữ liệu hoặc dữ liệu quá ít.
- C. hàng chứa dữ liệu số.
- D. hàng chứa dữ liệu kí tự.

Câu 27: Trên trang tính, để điều chỉnh độ rộng của cột vừa khít với dữ liệu, ta thực hiện

- A. đưa chuột đến đường biên bên trái của tên cột và nháy đúp chuột.
- B. đưa chuột đến đường biên bên phải của tên cột và nháy đúp chuột.
- C. đưa chuột đến đường biên bên dưới của tên cột và nháy đúp chuột.
- D. đưa chuột đến đường biên bên trên của tên cột và nháy đúp chuột.

Câu 28: Trên trang tính, để điều chỉnh độ cao của hàng vừa khít với dữ liệu, ta thực hiện

- A. đưa chuột đến đường biên bên trái của tên hàng và nháy đúp chuột.
- B. đưa chuột đến đường biên bên phải của tên hàng và nháy đúp chuột.
- C. đưa chuột đến đường biên bên dưới của tên hàng và nháy đúp chuột.
- D. đưa chuột đến đường biên bên trên của tên hàng và nháy đúp chuột.

Câu 29: Trên trang tính, muốn chèn thêm một cột trống trước cột E, ta thực hiện

- A. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Insert/Cells/Home.
- B. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Deletetrong nhóm Cells trên dải lệnh Home.
- C. nháy chuột chọn cột E và chọn lệnh Deletetrong nhóm Cells trên dải lệnh. Home.
- D. nháy chuột chọn cột E và chọn lệnh Insert trong nhóm Cells trên dải lệnh Home.

Câu 30: Trên trang tính, muốn xóa một cột trước cột E, ta thực hiện

- A. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Insert/Cells/Home.
- B. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Delete trong nhóm Cells trên dải lệnh Home.
- C. nháy chuột chọn cột E và chọn lệnh Delete trong nhóm Cells trên dải lệnh. Home.
- D. nháy chuột chọn cột E và chọn lệnh Insert trong nhóm Cells trên dải lệnh Home.

LOW

UNC
CS
HA

* V

Câu 31: Trên trang tính, muốn xóa văn bản trong cột E, ta thực hiện:

- A. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Insert trong nhóm Cells trên dải lệnh Home
- B. nháy chuột chọn cột D và chọn lệnh Delete trong nhóm Cells trên dải lệnh Home
- C. nháy chuột chọn cột E và nhấn phím Delete trên bàn phím
- D. nháy chuột chọn cột E và nhấn phím Insert trên bàn phím

Câu 32: Trên trang tính, thao tác sao chép và di chuyển nội dung ô tính có mục đích

- A. giúp thực hiện việc tính toán nhanh
- B. giúp lưu trữ dữ liệu lâu dài
- C. giúp trình bày trang tính đẹp mắt
- D. giúp tiết kiệm thời gian và công sức

Câu 33: Trên trang tính, để sao chép hay di chuyển dữ liệu em sử dụng các lệnh

- A. Copy hoặc Cut và Paste trong nhóm lệnh Clipboard trên dải lệnh Home.
- B. Copy hoặc Cut và Paste trong nhóm lệnh Cells trên dải lệnh Home.
- C. Copy hoặc Cut và Paste trong nhóm lệnh Clipboard trên dải lệnh Insert.
- D. Copy hoặc Cut và Paste trong nhóm lệnh Cells trên dải lệnh Insert.

Câu 34. Trong Excel, cột mới được chèn sẽ nằm ở vị trí nào?

- A. Bên phải cột được chọn
- B. Bên trái cột được chọn
- C. Cột đầu tiên của bảng
- D. Cột cuối cùng của bảng

Câu 35. Dòng mới được chèn vào sẽ nằm ở vị trí nào?

- A. Dòng đầu tiên của bảng
- B. Dòng cuối cùng của bảng
- C. Bên trên dòng được chọn
- D. Bên dưới dòng được chọn

Câu 36. Để sao chép nhanh công thức ta đưa con trỏ chuột lên ... của ô tính và kéo thả chuột sang vị trí khác trên cùng cột hay cùng hàng.

- A. góc trên, bên trái
- B. góc dưới, bên trái
- C. góc trên, bên phải
- D. góc dưới, bên phải

Câu 37. Các chương trình bảng tính có công cụ để thực hiện tính toán theo các công thức được định nghĩa sẵn. Công cụ đó là

- A. tính tổng
- B. tính giá trị lớn nhất
- C. hàm
- D. phương trình

Câu 38. Giả sử cần tính tổng các số trong ba ô A1, C1 và E1 bằng hàm SUM. Cách viết nào đúng trong các cách dưới đây?

- A. =SUM(A1+C1+E1)
- B. =SUM(A1:E1)
- C. =SUM(A1,C1,E1)
- D. =SUM(A1,C1:E1)

Câu 39. Muốn xóa một hàng của bảng tính ta chọn hàng này và thực hiện

- A. nhấn phím **Delete** trên bàn phím
- B. chọn lệnh **Delete** trong nhóm lệnh **Cells** trên dải lệnh **Home** rồi chọn tiếp lệnh **Delete Sheet Rows**.
- C. nhấn phím **Insert** trên bàn phím
- D. chọn lệnh **Insert** trong nhóm lệnh **Cells** trên dải lệnh **Home** rồi chọn tiếp lệnh **Delete Sheet Rows**.

Câu 40. Bạn Lan chọn các hàng 10, 11 và 12, sau đó chọn lệnh **Insert** trong nhóm lệnh **Cells** trên dải lệnh **Home** rồi chọn tiếp lệnh **Insert Sheet Rows**. Điều gì sẽ xảy ra?

- A. Ba hàng trống sẽ được chèn vào sau hàng 12;

- B. Một hàng trống sẽ được chèn vào sau hàng 12;
- C. Ba hàng trống sẽ được chèn vào trước hàng 10. Các hàng 10, 11 và 12 trở thành các hàng 13, 14 và 15;
- D. Một hàng trống sẽ được chèn vào trước hàng 10. Các hàng 10, 11 và 12 trở thành các hàng 11, 12 và 13.



BGH

Lê Thị Ngọc Anh

Tổ chuyên môn

Nguyễn Thế Mạnh

Nhóm Tin 7

Nguyễn Thị Nhàn



TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2021-2022

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KÌ I MÔN NGỮ VĂN 7

A. NỘI DUNG

I. VĂN HỌC

1. Thơ trung đại:

- Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan
- Bạn đến chơi nhà – Nguyễn Khuyến

2. Thơ hiện đại:

- Cảnh khuya – Hồ Chí Minh.
- Rằm tháng Giêng – Hồ Chí Minh.
- Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh.

Lưu ý: * Học thuộc lòng các bài thơ

* Nắm vững kiến thức về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

II/ TIẾNG VIỆT:

1. Từ vựng, ngữ pháp:

- Quan hệ từ
- Thành ngữ
- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.

2. Biện pháp tu từ:

- Điệp ngữ.

Lưu ý: - Học sinh nhận diện được các loại từ, biết vận dụng các loại từ vào trong quá trình tạo lập văn bản, làm các dạng bài tập có liên quan;

- Phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ loại, biện pháp tu từ trong ngữ cảnh cụ thể.

III/ TẬP LÀM VĂN: Tạo lập văn bản

HS nắm vững các kĩ năng tạo lập văn bản vận dụng các phương thức biểu đạt đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS (Tự sự, miêu tả, biểu cảm)

+ Viết đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận về (1 chi tiết, hình ảnh nghệ thuật, đoạn thơ...) trong các văn bản đã học.

+ Viết bài TLV biểu cảm về một tác phẩm văn học.

B. MỘT SỐ DẠNG ĐỀ

I. Dạng đề đọc hiểu

Dạng 1: Các bài tập Tiếng Việt:

Bài 1: Chỉ ra và chữa các lỗi sai về quan hệ từ trong các câu sau:

- Câu tục ngữ này chỉ đúng xã hội xưa, còn ngày nay thì không đúng.
- Nhà em ở xa trường và bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.
- Qua bài thơ “Tiếng gà trưa” đã cho thấy những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu.
- Giá trời mưa nên đường trơn.

Bài 2: Hãy thay thế những từ ngữ in đậm trong các ví dụ sau đây bằng những thành ngữ có ý nghĩa tương đương.

- Là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, các em cần **học tập và rèn luyện** để đạt được kết quả cao.
- Anh ta thường làm những việc xấu nhưng **dù che giấu đến đâu ắt có ngày cũng bị phát hiện**.

- c. Các lang mang **những món ăn quý hiếm từ rừng và biển** dâng lên cúng Tiên vương.
d. Ông ta giàu có nhất làng ấy vậy mà **keo kiệt, bủn xỉn quá mức.**

Dạng 2: Các đề đọc hiểu:

ĐỀ 1:

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*“Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ:
“Cục... cục tác cục ta”
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ”*

(Ngữ Văn 7, tập 1)

Câu 1: Ngữ liệu trên được trích trong văn bản nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Viết 01 câu văn nêu nội dung chính của đoạn thơ trên, trong câu văn có sử dụng một quan hệ từ, gạch chân và chú thích rõ.

Câu 3: Câu văn sau đây mắc lỗi gì về sử dụng quan hệ từ? Hãy sửa lại cho đúng.

“Qua khổ thơ đầu tiên đã giới thiệu cho độc giả hoàn cảnh người chiến sĩ bắt gặp âm thanh tiếng gà, từ đó gọi về những kỉ ức tuổi thơ êm đềm, tươi đẹp.”

Câu 4: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ sau và nêu tác dụng:

*“Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ”*

Câu 5: Từ nội dung văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về tình cảm bà cháu.

ĐỀ 2 :

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Đã bấy lâu nay bác tới nhà”

Câu 1: Chép tiếp 7 câu thơ tiếp để hoàn thiện bài thơ.

Câu 2: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 3: Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

Câu 4: Chỉ ra lỗi sai về quan hệ từ trong câu sau:

“Qua bài thơ này, ta thấy được tình bạn chân thành, thắm thiết, vượt lên trên vật chất tầm thường giữa tác giả Nguyễn Khuyến và người bạn của nhà thơ”

Câu 5: Chỉ ra sự khác nhau giữa cụm từ “ta với ta” trong bài thơ trên và cụm từ “ta với ta” trong bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan.

*“Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.”*

Câu 6: Từ nội dung văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn từ 6-8 câu nêu cảm nghĩ của em về tình bạn.

ĐỀ 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*“Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”*

(Cảnh khuya – Hồ Chí Minh, Ngữ Văn 7 – tập 1)

Câu 1: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Nêu nội dung chính của bài thơ trên.

Câu 3: Xác định các quan hệ từ có trong bài thơ.

Câu 4: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu:

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

Câu 5: Kể tên 01 bài thơ trong chương trình Ngữ Văn 7, tập 1 có cùng thể thơ với bài “Cảnh khuya”.

ĐỀ 4

Cho những câu thơ sau:

“Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc...”

(Ngữ văn 7, tập 1)

Câu 1: Ghi lại 4 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ trên.

Câu 2: Đoạn thơ vừa chép trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của bài thơ trên.

Câu 3: Ghi lại nội dung chính của đoạn thơ trên bằng một câu văn, trong câu có sử dụng ít nhất 01 quan hệ từ. Gạch chân, chú thích rõ.

Câu 4: Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong đoạn thơ vừa chép.

Câu 5: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về đoạn thơ trên.

II. Dạng đề viết bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học:

Đề 1: Viết bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ “Cảnh khuya”- Hồ Chí Minh.

Đề 2: Viết bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ “Rằm tháng Giêng” – Hồ Chí Minh.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT



Lê Thị Ngọc Anh

TỔ NHÓM CHUYÊN MÔN

Nguyễn Thị Hoàng Đan

I. Nội dung ôn tập

HS ôn lại kiến thức những bài sau:

- Bài 10: Nguồn âm.
- Bài 11: Độ cao của âm.
- Bài 12: Độ to của âm.
- Bài 13: Môi trường truyền âm.
- Bài 14: Phản xạ âm – Tiếng vang.
- Bài 15: Chống ô nhiễm tiếng ồn.

II. Câu hỏi ôn tập

Câu 1. Siêu âm là những âm có tần số vào khoảng bao nhiêu Hz?

- A. Lớn hơn 20 Hz.
- B. Lớn hơn 20 000 Hz.
- C. Nhỏ hơn 20 Hz.
- D. Nhỏ hơn 20 000 Hz.

Câu 2. Khi nói trong phòng nhỏ ta không nghe được tiếng vang nhưng nói trong phòng lớn lại nghe được tiếng vang. Hỏi trong phòng nào có âm phản xạ?

- A. Phòng nhỏ.
- B. Phòng lớn.
- C. Cả hai phòng.
- D. Không có phòng nào.

Câu 3. Hãy sắp xếp theo thứ tự tăng dần vận tốc truyền âm trong các môi trường?

- A. Rắn, lỏng, khí.
- B. Khí, lỏng, rắn.
- C. Rắn, khí, lỏng.
- D. Lỏng, rắn, khí.

Câu 4. Tai người có thể nghe âm thanh với tần số trong khoảng bao nhiêu?

- A. Từ 0Hz đến 40Hz.
- B. Lớn hơn 20000Hz.
- C. Từ 20Hz đến 40Hz.
- D. Từ 20Hz đến 20000Hz.

Câu 5. Vật nào sau đây phát ra âm bổng nhất?

- A. Dây đàn Ghi-ta dao động với tần số 50 Hz.
- B. Màng loa dao động với tần số 25 Hz
- C. Mặt trống dao động với tần số 30 Hz
- D. Mặt chiêng dao động với tần số 15 Hz.

Câu 6. Âm thanh được tạo ra nhờ yếu tố nào dưới đây?

- A. Nhiệt.
- B. Dao động.
- C. Điện.
- D. Ánh sáng.

Câu 7. Ngưỡng đau của tai người vào khoảng bao nhiêu ?

- A. 80 dB
- B. 100 dB
- C. 130 dB
- D. 60 dB

Câu 8. Khi nào ta nói, âm phát ra trầm?

- A. Khi âm nghe nhỏ.
- B. Khi âm phát ra với tần số cao.
- C. Khi âm nghe to.
- D. Khi âm phát ra với tần số thấp.

Câu 9. Hạ âm là những âm có tần số vào khoảng bao nhiêu Hz?

- A. Lớn hơn 20 Hz.
- B. Lớn hơn 20 000 Hz.
- C. Nhỏ hơn 20 Hz.
- D. Nhỏ hơn 20 000 Hz.

Câu 10. Biên độ dao động là gì?

- A. Khoảng cách lớn nhất giữa hai vị trí mà vật dao động thực hiện được.



B. Độ lệch lớn nhất so với vị trí cân bằng khi vật dao động.

C. Số dao động trong một giây.

D. Độ lệch của vật trong một giây.

Câu 11. Môi trường nào sau đây không truyền được âm?

A. Không khí.

B. Phòng kín.

C. Nước.

D. Chân không.

Câu 12. Độ to của âm phụ thuộc vào yếu tố nào?

A. Môi trường truyền âm.

B. Tần số của âm.

C. Biên độ của âm.

D. Khoảng cách truyền âm.

Câu 13. Khi nghe thấy tiếng trống. Bộ phận nào của trống dao động phát ra âm?

A. Dùi trống.

B. Tang trống.

C. Mặt trống.

D. Viên trống.

Câu 14. Vật phản xạ âm tốt là những vật có bề mặt như thế nào?

A. Phẳng và sáng.

B. Nhẵn và cứng.

C. Mấp mô và cứng.

D. Gồ ghề và mềm.

Câu 15. Trường hợp nào dưới đây không nghe được âm thanh?

A. Dây đàn dao động.

B. Người ca sĩ đang hát.

C. Cái trống đang để ở dưới sân trường.

D. Giáo viên đang giảng bài.

Câu 16. Vật sau đây được coi là nguồn âm?

A. Cái còi của trọng tài bóng đá đang cầm.

B. Chiếc âm thoa đặt trên bàn.

C. Chiếc sáo mà người nghệ sĩ đang thổi trên sân khấu.

D. Cái trống đặt trong sân trường.

Câu 17. Vật nào sau đây phản xạ âm kém?

A. Miếng gỗ.

B. Đệm cao su.

C. Nền đá hoa.

D. Mặt gương.

Câu 18. Đơn vị của tần số là gì?

A. N.

B. dB.

C. dm.

D. Hz.

Câu 19. Một người nghe thấy tiếng sét sau tia chớp 10 giây. Hỏi người đó đứng cách nơi xảy ra sét bao xa? Biết vận tốc truyền âm trong không khí là 340 m/s.

A. 340 m.

B. 3400 m.

C. 1360 m.

D. 170 m.

Câu 20. Vận tốc truyền âm trong môi trường nào là lớn nhất?

A. Lỏng.

B. Rắn.

C. Chân không.

D. Khí.

Câu 21. Âm thanh phát ra từ cái trống khi ta gõ to hay nhỏ phụ thuộc vào yếu tố nào?

A. Biên độ dao động của mặt trống.

B. Độ căng của mặt trống.

C. Kích thước của mặt trống.

D. Kích thước của dùi trống.

Câu 22. Âm thanh được phát ra từ một nguồn âm dao động có tần số 250Hz. Hỏi trong 2 giây nguồn âm này thực hiện được bao nhiêu dao động?

A. 500 dao động.

B. 250 dao động.

C. 50 dao động.

D. 25 dao động.

Câu 23. Phát biểu nào dưới đây là đúng?

- A. Vật dao động càng nhanh, biên độ dao động càng lớn, âm phát ra càng to.
- B. Vật dao động càng chậm, tần số dao động càng nhỏ, âm phát ra càng thấp.
- C. Vật dao động càng mạnh, tần số dao động càng lớn, âm phát ra càng to.
- D. Vật dao động càng mạnh, biên độ dao động càng lớn, âm phát ra càng cao.

Câu 24. Vật phản xạ âm kém là những vật có bề mặt như thế nào?

- A. Phẳng và sáng.
- B. Nhẵn và cứng.
- C. Mấp mô và cứng.
- D. Gồ ghề và mềm.

Câu 25. Ở một căn phòng, các cửa sổ có hai lớp kính. Mục đích của biện pháp này là gì?

- A. Làm cho cửa thêm vững chắc.
- B. Điều hoà nhiệt độ phòng.
- C. Ngăn tiếng ồn hoặc chống lạnh.
- D. Chống rung.

Câu 26. Nguồn âm của cây đàn ghi – ta là bộ phận nào?

- A. Lớp không khí bị nén bên trong hộp đàn.
- B. Hộp đàn.
- C. Ngón tay gảy đàn.
- D. Dây đàn.

Câu 27. Nguồn âm của cây sáo trúc là bộ phận nào?

- A. Lớp không khí ngoài ống sáo.
- B. Lớp không khí trong ống sáo.
- C. Các lỗ sáo.
- D. Miệng người thổi sáo.

Câu 28. Khi nói một vật dao động với tần số 70 Hz, điều đó có ý nghĩa gì?

- A. Trong một giây vật thực hiện được 70 dao động.
- B. Trong một phút vật thực hiện được 70 dao động.
- C. Trong 70 giây vật thực hiện được 1 dao động.
- D. Trong một giờ vật thực hiện được 70 dao động.

Câu 29. Thế nào được gọi là âm phản xạ?

- A. Âm đi vòng qua vật chắn.
- B. Âm đi xuyên qua vật chắn.
- C. Âm dội lại khi gặp vật chắn.
- D. Âm từ nguồn âm truyền tới vật chắn.

Câu 30. Ta có thể nghe được tiếng vang khi nào?

- A. Âm phản xạ gặp vật cản.
- B. Âm phản xạ đến tai trước âm phát ra.
- C. Âm phản xạ và âm phát ra đến tai cùng một lúc.
- D. Âm phản xạ nghe được cách âm trực tiếp ít nhất 1 / 15 giây.

Câu 31. Âm thanh nào sau đây gây ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Tiếng máy móc làm việc phát ra to và kéo dài.
- B. Tiếng sấm rền.
- C. Tiếng xình xích của tàu hoả chạy qua.
- D. Tiếng sóng biển ầm ầm.

Câu 32. Vật phát ra âm cao hơn khi nào?

- A. Khi vật dao động mạnh hơn.
- B. Khi tần số dao động lớn hơn.
- C. Khi vật dao động chậm hơn.
- D. Khi vật bị lệch ra khỏi vị trí cân bằng nhiều hơn.

Câu 33. Trong các trường hợp dưới đây vật phát ra âm khi nào?

- A. Khi uốn cong vật.
- B. Khi kéo căng vật.
- C. Khi làm vật dao động.
- D. Khi nén vật.

Câu 34. Trong 10 s vật thực hiện được 40 dao động. Tần số dao động của vật là bao nhiêu?

- A. 10 Hz.
- B. 4 Hz.
- C. 40 Hz.
- D. 400 Hz.

Câu 35. Tần số dao động càng nhỏ thì âm phát ra sẽ như thế nào?

- A. Âm nghe càng trầm.
- B. Âm nghe càng bổng.
- C. Âm nghe càng to.
- D. Âm nghe càng vang.

Câu 36. Một công trường xây dựng nằm gần khu dân cư mà em sống. Trong các biện pháp dưới đây, biện pháp nào dưới đây KHÔNG chống được ô nhiễm tiếng ồn là?

- A. Yêu cầu công trường không được làm việc vào giờ nghỉ ngơi.
- B. Quy định mức độ to của âm phát ra từ công trường không vượt quá 80 dB.
- C. Mở cửa cho thoáng, treo rèm và bịt tai bằng bông.
- D. Xây tường bao quanh công trường.

Câu 37. Âm truyền nhanh nhất trong môi trường nào dưới đây?

- A. Xăng.
- B. Nước.
- C. Khí oxi.
- D. Sắt.

Câu 38. Những vật liệu nào sau đây phản xạ âm tốt nhất?

- A. Sắt, thép, đá.
- B. Bê tông, gỗ, vải.
- C. Thép, vải, bông.
- D. Lụa, nhung, gôm.

Câu 39. Khi làm một thí nghiệm về sự truyền âm thanh trong các môi trường, có bạn đã đưa ra kết luận sau, kết luận nào SAI?

- A. Cơ thể người cũng có thể truyền được âm thanh.
- B. Âm thanh càng to thì truyền đi càng xa.
- C. Xốp là vật rắn nên nó truyền âm tốt.
- D. Âm thanh có thể truyền từ môi trường chất lỏng sang môi trường chất rắn.

Câu 40. Tại sao khi con muỗi bay ngang qua ta lại nghe thấy tiếng vo ve?

- A. Vì đuôi của nó dao động.

- B. Vì con muỗi kêu vo ve.
C. Vì không khí chuyển động.
D. Khi con muỗi bay, cánh của nó dao động và phát ra âm thanh.



Ban giám hiệu

Lê Thị Ngọc Anh

Tổ chuyên môn

Nguyễn Thế Mạnh

Nhóm vật lý 7

Ngô Thị Tường Vi



